****

THUẬT NGỮ XÂY DỰNG CẦU VIỆT - PHÁP - ANH

VOCABULAIRES TECHNIQUES DE CONSTRUCTION DES PONTS

TECNICHCAL GLOSSARIE OF BRIDGE ENGINEERING

****

(Bản thảo lần 3)

(Le troixiem projet)

(THIRD DRAFT)

Hà nội, tháng 12 - 1999

****

****

Lời nói đầu

Đây là một tài liệu soạn thảo dành cho các sinh viên ngành Cầu - Đường nhằm giúp đỡ trong việc luyện tập dịch các tài liệu kỹ thuật từ tiếng Việt sang tiếng Pháp và tiếng Anh. Phần tiếng Pháp lấy theo các thuật ngữ của Tiêu chuẩn thiết kế của nước Pháp. Phần tiếng Anh dựa theo các thuật ngữ trong Tiêu chuẩn AASHTO-1994 của Hoa-kỳ. Bản in này chỉ là bản in thử, còn một số chỗ trống sẽ được bổ sung dần dần.

Tác giả mong nhận được các ý kiến phê bình để sửa chữa chuẩn bị cho bản in chính thức hoàn thiện hơn.

****

A

Áp lực bên của đất	Pression laterale de teres	Lateral earth pressure
Áp lực chủ động	Poussee	
Áp lực bị động	Butée	
Áp lực của dòng nước chảy	Pression du courant	Stream flow pressure
Áp lực cực đại	Pression maximum	Maximum working pressure
Áp lực đẩy của đất	Poussé des terres	Earth pressure
Áp lực thủy tĩnh	Poussé hydrostatique	Hydrostatic pressure
ảnh hưởng của nhiệt độ	Effet de temperature	Temperature effect

B

Bán kính cong (bán kính đoạn đường cong)	Rayon de courbure	Radius of curve
Bán kính tác dụng của đầm dùi	Rayon d'action des aiquilles de vibration	Reach (of vibrator)
Bán kính trong của đường cong	Rayon interieur de courbure	Inside radius of curvature
Bản cánh dưới	Semelle inférieure	Bottom flanger,Bottom slab
Bản cánh trên	Semelle supérience	Top flange,Top slab
Bản cánh (mặt cắt I,J, hộp)	Bride, l'aile (f)	Flange slab
Bản gối giản đơn trên 4 cạnh lên các dầm	Dalle à appuis simples sur poutres disposees au coutour	Slab simply supported along all four edges by beams
Bản chữ nhật gối giản đơn trên bốn cạnh lên các dầm	Dalle rectangulaire à appuis simples sur poutres disposees au coutour	Rectangular slab simply supported along all four edges by beams
Bản có khoét lỗ	Dalle élégie	Voided slab, Hollow slab
Bản có kích thước giảm bớt		
Bản có nhịp theo một hướng (bản 2 cạnh)	Dalle à appuis dans une	One-way spaning direction slab
Bản có nhịp theo hai hướng (bản 4 cạnh)	Dalle à appuis dans deux	Two-way spaning directions slab (slab supported on four sides)
Bản có sườn	Dalle nervurée	
Bản có sườn trực giao	Dalle orthotrope	
Bản của mấu neo, Bản neo	Plague d'ancrage	Anchor plate
Bản đáy của dầm hộp	Hourdis inférieur d'un caisson	Bottom slab of box girder
Bản đặt cốt thép hai hướng	Dalle armeé dans deux directions	Slab reinforced in both directions

Bản ghi chép tính toán, Bản tính	Note de calcul	Calculating note
Bản mặt cầu	Hourdis, tablie	Deck slab, deck plate
Bản mặt cầu đúc bê tông tại chỗ	Dalle coulée en	Cast-in-situ flat place slab
Bản mặt cầu trực hướng	Dalle orthotrope	Orthotropic desk
Bản nắp hộp	Hourdir supérieur d'une caisson	Top slab of box
Bản nối ốp, bản má	Plate-bande	Cover-plate
Bản nối phủ	Couvre-joint	Splice plat, scab
Bản nút, bản tiết điểm	Gousset Haunch	Gusset plate
Bản phẳng	Dalle plane	Fat slab
Bản quá độ	Dalle de transition	Transition slab
Bản sàn	Plancher-dalle, plancheren dalle	Floor slab
Bản thép phủ (ở phần bản cánh dầm thép ...)	Plaque de couverture	Cover plate
Bản trên đỉnh	Hourdis	Top slab
Bản vẽ phối cảnh	Dessin en perspectif ...	
Bản vẽ thi công	Dessin d'exécution	Erection plan
Bao phủ mấu neo dự ứng lực	Cachetage Sealing	
Bao tải (để dưỡng hộ bê tông)	Burlap	
Báo cáo thí nghiệm cọc		Record of test piles
Bảo dưỡng, duy tu	Entretien	Maintenance
Bảo dưỡng bê tông trong lúc hóa cứng	Cure du Béton	Curing
Bảo vệ chống mài mòn	Protection contre abrasion	Protection against abrasion
Bảo vệ chống xói lở	Protection contre l'affounillement	Protection against scour
Bảo vệ cốt thép chống rỉ	Protection des armatures contre la crrosion	Protection against corrosion
Băng dính	Bande adhésive	Joint tape
Bằng gang đúc	.... en fonte ductile	...of cast iron
Bằng thép cán	.....en acier laminé	...of laminated steel
Bất lợi	Defavorable	Unfavorable...
Bất lợi nhất	la plus défavorable	the most unfavorable
Bê tông	Béton	Concrete
Bê tông bảo hộ (bên ngoài cốt thép)	Enrobage des armatures	Concrete cover
Bê tông bịt đáy (của móng Cáp cọc, của giếng, của hố	Lit de beton au fond d'une	fouilk, bouchon

Bê tông bơm		Pumping concrete
Bê tông cát	Béton de sable	Sand concrete
Bê tông có quá nhiều cốt thép	Béton fortement armés	Over-reinforced concrete
Bê tông cốt thép dự ứng lực	Béton précontraint	Prestressed concrete
Bê tông cốt thép dự ứng lực trong	Béton précontrainte intérieuse	Internal prestressed concrete
Bê tông cốt thép dự ứng lực ngoài	Béton précontrainte extérieuse	External prestressed concrete
Bê tông cốt thép thường	Béton armé	Reinforced concrete
Bê tông cường độ cao	Béton a haute resistance	High strength concrete
Bê tông đã bị tách lớp (bị bóc lớp)	Beton desagrege	Spalled concrete
Bê tông đúc tại chỗ	Béton coulé en	Cast in situ place concrete
Bê tông đúc sẵn	Beton prefabrique	Precast concrete
Bê tông hóa cứng nhanh	Béton à sement	Early strength concrete
Bê tông không cốt thép	Béton non-arme	Plain concrete, Unreinforced concrete
Bê tông mác thấp	Béton a faible	Low-grade concrete resistance
Bê tông nặng	Béton lourd	Heavy weight concrete
Bê tông nhẹ	Béton leger	Light weight concrete
Bê tông nhẹ có cát	Béton leger à sable	Sandlight weight concrete
Bê tông nghèo	Béton maigre	Lean concrete (low grade concrete)
Bê tông phun Bê tông sỏi	Béton projetté, Gunite, Shotcret, Béton de graviers ...	Sprayed concrete, Shotcrete,
Bê tông thủy công	Béton hydraulique	Hydraulic concrete
Bê tông trọng lượng thông thường	Béton à densité normale	Normal weight concrete, Ordinary structural concrete
Bê tông tươi (mới trộn xong)	Béton frais	Fresh concrete
Bê tông ximăng	Béton à ciment Pooclan	Portland-cement, Portland concrete
Bề mặt chuyển tiếp		... Interface
Bề mặt tiếp xúc	Surface de contact	Contact surface
Bề mặt ngoài	Paroit, Exterior face Face exterieure	Exterior face
Bề mặt ván khuôn	Paroit du coffrage	Form exterior face ...
Bệ đỡ phân phối lực	Plate-forme	Bed plate
Bệ kéo căng cốt thép dự ứng lực		Prestressing bed
Bệ móng	Semelle	Footing

Biên độ biến đổi ứng suất	Amplitude des variations de contrainte	Amplitude of stress
Biến dạng của neo khi dự ứng lực từ kích truyền vào mấu neo		... Anchorage seating
Biến dạng của các thớ trên mặt cắt		... Strain
Biến dạng co ngắn tương đối	Raccourcissement unitaire	Unit shortening
Biến dạng dài hạn	Déformation de longue durée	Long-term deformation
Biến dạng dãn dài tương đối	Allongement unitaire	Unit lengthening
Biến dạng do co ngót	Déformation de Shrinkage	Retrait deformation
Biến dạng do uốn	Déformations dues à la ...	Flexible flexion deformation
Biến dạng do lực cắt	Déformations dues à l'effot tranchant	Shear deformation
Biến dạng do từ biến	Déformation de creep	Deformation due to Creep deformation
Biến dạng đàn hồi	Déformation elastic, Strain elastique	Elastic deformation
Biến dạng quá mức	Déformation excessive	Excessive deformation
Biến dạng theo thời gian	Déformation différée	Time-dependent deformation
Biến dạng tức thời	Déformation instantanée	Imediate deflection
Biến dạng vồng lên	Deformation convexe	Upward deflection
Biến đổi nhiệt độ	Variation de la temperature	
Biến đổi sơ đồ tĩnh học	Modification du schema statique ...	
Biến đổi theo thời gian của	Variation dans le ... temps de ...	Variation in accordance with the time of ...
Biểu diễn đồ thị của	Représentation graphique de ...	Graphical representation of ...
Biểu đồ biến dạng tuyến tính	Diagramme de Déformation linéaire	Linear deformation diagram
Biểu đồ tác dụng tương hỗ mô men-lực dọc	Diagramme d'interaction moment-interaction	Momen-Axial force effort normal diagram
Bịt đáy	Metre un lit de	
Bịt kín, lấp kín	Etanchement	Sealing
Bó xoắn 7 sợi thép	Toron Strand	
Bóc lớp bê tông bảo hộ	Enlever lacoche d'enrobage du beton	Removal of the concrete cover
Bố trí	Arrangement ...	Arrangement ...
Bố trí các điểm cắt đứt cốt thép dọc của dầm	Rõparatition des arrets des barres longgitudinal de la poutre	Arrangement of longitudinales renforcement cut-out
Bố trí chung của cầu	Disposition generale	General location of a bridge

Bố trí cốt thép	Disposition des armatures, Ferraillage ...	Arrangement of reinforcement
Bố trí cốt thép dự ứng lực	Câblage	Cable disposition
Bổ xung, thêm vào	Additional	Additional
Bộ thiết bị	Equipement	Equipement Set, Device
Bộ nối các đoạn cáp dự ứng lực kéo sau	Coupleur, Dispositif de raboutage	Coupleur
Bộ phận làm lệch hướng cáp	Deviateur	Deviator
Bôi trơn	Lubrification	Lubrification
Bột mầu (để fa sơn)	Pigment	Pigment
Bốc xếp hàng	Manipuler to handle	
Bơm (máy bơm)	Pompe	Pump
Bơm chìm (ngâm trong nước)	Pompe immergée ...	
Bơm dầu dùng tay	Pompe d’huile Hand-act oil pump à maine	
Bơm hút	Pompe aspirante	Aspiring pump, Extraction pump
Bơm ly tâm	Pompe centrifuge	Centifical pump, Impeller pump
Bơm nước dùng tay	Pompe d’eau a maine	Hand-act water pump
Bu lông hình chữ U	Lien en U, Boulon en U	U form bolt connection
Bu lông	Boulon	Bolt
Bu lông neo	Boulon d’ancrage	Anchor bolt
Búa	Mouton	Hammer
Búa hơi nước đơn động	Mouton à vapeur à simple effet	Hydraulic hammer of simple effect
Bước xoắn của sợi thép trong bó xoắn	Pas d’enroulement des fils	Twist step of a cable

C

Cảm biến để đo biến dạng	Jauge de Déformation ...	
Cảm biến để đo ứng suất đo lực	Capur ...	
Cánh tay đòn	Bras de levier	Momen arm
Cạnh tranh	Compétition	Competition, Competing
Cao đạc	Nivellement	Leveling
Cao độ, cao trình	Altitude, Level Cote de niveau	
Cao độ chân cọc		Pile bottom level
Cao su	Caoutchouc ...	Ruber

Cáp có độ tự trùng thấp	Câble à basse relaxation	Low relaxation strand
Cáp dài được kéo căng từ 2 đầu	Câble long tendu des deux coté	Long cable tensioned at two ends
Cáp đã ép vữa	Câble injecte au	Grouted cable
Cáp đặt hợp long ở đáy hộp	Câble de solidarisation inférieur	
Cáp tạm không ép vữa	Câble provisoire non coulis injecte	Temporary non-grouted cable
Cáp được mạ kẽm	Câble galvanisé	Galvanized strand
Cáp gồm các bó sợi xoắn bọc trong chất dẻo	Câble à torons graisses et d'elastomere	Plastic coated greased strand enveloppes cable
Cáp ngắn được kéo căng từ một đầu	Câble court tiré d'un seul coté	Short cable tensioned at one end
Cáp treo xiên (của hệ dây xiên)	Haubans	Stay cable
Cáp thép dự ứng lực	Câble, toron	Prestressing teel strand
Cáp xoắn 7 sợi	Toron 7 fils	7 wire strand
Cát	Sable	Sand
Cát ẩm	Sable humide	Moisture sand
Cát bột	Sable très fin	Dusts sand
Cát chặt	Sable dense	Compacted sand
Cát khô	Sable sec	Dry sand
Cát ướt (đẫm nước)	Sable sature d'eau	Wet sand
Cắt đầu cọc		Cut pile head
Cắt thuần túy	Cisaillement simple ...	Simple shear
Cân bằng tĩnh học	équilibre statique	Static equilibrum
Cần cẩu	Grue	Crane
Cần cẩu cổng	Grue portique	Gantry crane
Cấp (của bê tông, của …)	Grade (du beton, ...)	Grade
Cấp của bê tông	Grade du beton	Grade of concrete
Cấp của cốt thép	Grade del'acier	Grade of reinforcement
Cấp của tải trọng	Classe du chargement	Class of loading
Cấp phối hạt	Granulométrie	Grading, Granulometry
Cấp phối hạt không liên tục	Granulométrie uncontinue	Uncontinuous granlametry
Cấp phối hạt liên tục	Ulométrie continue	Continuous granulametry
Cờu kiện	Element	Member , Element
Cờu kiện chịu cắt	Element contre llement	Member subject to shear
Cờu kiện chịu nén	Pièce comprimée	Compression member
Cờu kiện chịu xoắn	Element en torsion	Torsion member
Cờu kiện chưa nứt	Pièce non-fissurée	Uncracked member
Cờu kiện có bản cánh	Elementa aile	Flanged member
Cờu kiện có hàm lượng cốt thép tối thiểu	Pièce comportant un ferrailage minimal	Member with minimum reinforcement

Cừu kiện có mặt cắt chữ nhật	Element a section rectangulaire	Rectangular member
Cừu kiện đúc sẵn	Elemen prefabrique	Precast member
Cừu kiện liên hợp	Element composite	Composite member
Cừu kiện liên kết	Attache	Attachment
Cừu kiện liền khối	Element monolithique	Monolithic member
Cừu kiện liên hiệp chịu uốn	Element composite à flexion	Composite flexural member
Cừu kiện hình lăng trụ	Pièce prismatique	Prismatic member
Cầu	Pont	Bridge
Cầu bản	Pont-dalle	Slab bridge
Cầu bản liên tục có 2 hai nhịp bằng nhau	Pont-dalle continue à deux traveés egales	Two-equal spans continuos slab bridge
Cầu bê tông cột thép thường	Pont en Béton armé	Renforced concrete bridge
Cầu cất	Pont elévateur	Hoist bridge
Cầu cho một làn xe	Pont a une voie	Bridge design for one traffic lane
Cầu cho 2 hay nhiều làn xe	Pont a deux ou pluisieur voies	Bridge design for two or more traffic lanes
Cầu có đường xe chạy trên	Pont tablier supérieur	Deck bridge
Cầu có đường xe chạy dưới	Pont tablier inférieur	Through bridge
Cầu có trụ cao	Viaduc	Viaduct
Cầu cong	Pont en courbe	Bridge on curve
Cầu cố định	Pont	fixe ...
Cầu công vụ	Pont de service (pont de manutention)	Service bridge
Cầu cũ hiện có	Pont existant...	Existing bridge
Cầu dầm hẫng	Pont à poutres cantilever	Cantilever bridge
Cầu dầm liên hợp	Pont à poutres composées	Composite beam bridge
Cầu dây xiên	Pont à hauban, Pont haubané	Cable-stayed bridge
Cầu dẫn	Viaduc d’accès	Approach viaduct
Cầu di động	Pont mobile	Movable bridge
Cầu di động trượt	Pont glissant	Sliding bridge
Cầu dự ứng lực kéo sau đúc bê tông tại chỗ	Pont coule en situ a preconrainte posterieure	Cast-in-place, posttensioned bridge
Cầu đi bộ	Pont pour piétons (la passerelle piétonnière)	Pedestrian bridge
Cầu đường sắt	Pont-rail	Railway bridge, rail bridge
Cầu gạch-đá xây	Pont en masconnerie	Masonry bridge
Cầu hai tầng	Pont à deux etages	Double deck bridge
Cầu khung		Frame bridge
Cầu khung chân xiên	Pont à bequilles	Portal bridge

Cầu khung T có chốt	Pont-cadre articule	Rigid frame with hinges
Cầu liên tục được ghép từ các dầm giản đơn đúc sẵn	Pont continue forme des poutres simples precontraintes	Bridge composed of simple span precast prestressed grider made continues prefabriques
Cầu máng	Pont aqueduc	Aqueduct
Cầu nâng-hạ thẳng đứng	Pont levant	Lifting bridge
Cầu xiên ,cầu treo	Pont oblique	Skew bridge
Cầu nhịp lớn	Pont de grande portée	Long span bridge
Cầu nhịp ngắn	Pont à fravée courte, Pont de courte travée	Short span bridge
Cầu ôtô	Pont-route	Highway bridge, road bridge
Cầu quay	Pont roulant	Turning bridge
Cầu tạm	Pon provisoire Escalier	Emergency bridge Stairs
Cầu thang (để đi bộ)		
Cầu thẳng	Pont de droit	Straight bridge
Cầu trung	Pont de la portée moyene	Medium span bridge
Cầu vòm	Pont en arc	Arched bridge
Cầu vượt	Pont pour passage superieur	Overpasse, Passage superieure
Cầu vượt qua đường sắt	Pont tranversant le chemin de fer	Railway overpasse
Cắt khấc	Encocher ...	
Cầu có trụ nghiêng	Pont à béquilles	Portal bridge
Cầu chui	Passage inférieur	Underpass
Chải sạch	Brosser ...	to brush clean
Chẩn đoán	Auscultation, pathologic	Diagnosis
Chất bôi trơn cốt thép dự ứng lực	Graisse, Lubrifiant	Sliding agent
Chất bảo vệ	Agent de protection	Prospecting agent
Chất dẻo	Elastomère	Elastomer, Plastic
Chất dẻo nhân tạo	Elastomere synthese	Synthetic plastic
Chất dẻo thiên nhiên	Elastomere naturele	Natural plastic
Chất dính kết	Liant	Bond, Bonding agent
Chất hóa dẻo	Plastifiant	Plastifying agent
Chất hoạt hóa	Activateur	Activator
Chất làm cứng, Chất hoá cứng	Durcisseur	Hardener
Chất làm tăng nhanh quá trình	Accelerateur	Accelerant
Chất lượng mong muốn	Qualité exigée	Required quality
Chất xâm thực	Agent agressif	Corrosive agent

Chẻ đôi (do lực nén cục bộ)	Fendage (due a la presion Fendage locale)	
Chéo, xiên	Biais	Skew
Chế tạo, sản xuất	Farrication	Fabrication, Manufaction
Chế tạo sẵn	Préfabrique	Precast
Chêm nút neo vào đầu neo cho chặt	Blocage des clavettes ...	
Chi tiết chôn sẵn		Embeded item
Chỉ dẫn tạm thời	Instruction provisoire	Temporary instruction
Chiều cao	Hauter	Depth
Chiều cao có hiệu	Hauter utile, Hauteur effective	Effective depth at the section
Chiều cao dầm	Hauteur de la poutre	Depth of beam
Chiều cao tịnh không	Hauteur du gabarit	Vertical clearance
Chiều cao toàn bộ của cấu kiện	Uteur hors-tout de l'element	Overall depth of member
Chiều dày của bản (của sườn)		...Flage thickness (web thickness)
Chiều dài cọc hạ vào đất		Length of penetration <of pile>
Chiều dài đặt tải (tính bằng mét)	Longueur chargee en metre	Loaded length in meters
Chiều dài đoạn neo giữ của cốt thép	Longueur d'ancrage de l'armature	Anchorage length
Chiều dài kích khi không hoạt động	Longeur fermé	Closed length
Chiều dài nhịp	Travee	Span length
Chiều dài truyền dự ứng lực kéo trước	Longueur de tranmission de la precontrainte	Transmission length for pretensioning
Chiều dài truyền lực nhờ dính bám	Longueur de tranmission par adherance	Bond transfer length
Chiều dài uốn dọc	Longeur de flambement	Buckling lengh
Chiều dày	Epaisseur	Thickness
Chiều dầy bản cánh	Epaisseur de l'arm	Flange thickness, Web thickness
Chiều rộng bản chịu nén của dầm T	Largeur des tables de width compression des poutres en Té	Compression flange of T-girder
Chiều rộng có hiệu của bản cánh	Largeur utile de l'aile	Effective flange width
Chiều rộng có hiệu (của dầm T)	Largeur effective (des poutres en Té)	Effective width (of T girder)
Chiều rộng phân bố của tải trọng bánh xe	Largeur de reparation du poids d'essieu	Distribution width for wheel loads

Chiều rộng phần xe chạy	Large de la chaussee	Roadway width
Chiều rộng tịnh không	Largeur du gabarit	Horizontal clearance
Chiều rộng toàn bộ cầu	Largeur totale du pont	Overall width of bridge
Chỉnh trị dòng sông	Repulation du couran d'eau	River training work
Chịu đựng được mà không hỏng	Resister sans defaillance	... to stand without failure
Chịu tải	... etre sous charge, etre charge	... to subject, to load, to withstand, to carry, to bear, to resist
Chu kỳ dao động	Periode de vibration	Period of vibration
Chọn vị trí xây dựng cầu	Emplacement du pont	Bridge loacation
Chỗ rỗng (khoét rỗng)	Vide	Void
Chống ẩm cho bề mặt	Hydrofuge de surface	Surface water protection
Chốt	Clé	Hinge
Chốt bê tông	Articulation en Béton	Concrete hinge
Chốt đỉnh vòm (chìa khoá)	Clé,Cle de voute	Key, Key block, Capstone
Chốt ngang (lắp chốt ngang)	Clavette (clavetter)	Fastening pin (to bolt)
Chu kỳ đặt tải ...		Loading cycle
Chu kỳ ứng suất thiết kế	Cycle des contraintes projetes	Design stress cycles
Chu vi thanh cốt thép ...		Perimeter of bar
Chủ công trình	Maitre d'oeuvre	Engineer,Architect
Chủ đầu tư	Maitre d'ouvrage	Owner
Chuyển giao công nghệ	Transfert tecnologyque	Technology transfer
Chuyển vị	Dŏplacement	Displacement
Chuyển vị quay tương đối	Mouvement de rotation relatif	Relative rotation
Chủ đầu tư, chủ công trình	Maitre d'ceuvre, maitre … d'ouvrage	
Chương trình thử nghiệm	Programme d'essais ...	
Chương trình tính toán tự động	Programme de calcul automatique	Automatic design program
Chương trình thiết kế tự động	Logiciel de dimensionnement automatique	Automatic design software
Co dãn do nhiệt	Dilatation thermique	Thermal expansion and construction
Co ngắn của bê tông	Raccourcissement du beton ...	
Co ngắn của thép	Raccourcissement ... de l'acier	
Co ngắn đàn hồi	Raccoucissement élastique	Elastic shortening
Co ngắn lại	Raccourcir	Contraction
Co ngót	Retrait	Contraction, shrinkage
Cọc	Pieu	Pile

Cọc bê tông cốt thép dự ứng lực	Pieu en beton precontrainte	Prestressed concrete pile
Cọc bê tông đúc sẵn	Pieu en beton prefabrique	Precast concrete pile
Cọc chống	Pieu sur pointe	Point-bearing pile
Cọc dẫn		Driver pile
Cọc dự ứng lực	Pieu beton precontrainte	Prestressed pile
Cọc đã đóng xong		Driven pile
Cọc đơn	Pieu isole	Single pile
Cọc đúc bê tông tại chỗ	Pieu a beton coule sur la place	Cast-in-place concrete pile
Cọc đúc sẵn, cọc chế sẵn	Pieu prefabrique	Precast pile
Cọc đường kính lớn	Pieu à grande diamètre	Large diameter pile
Cọc khoan	Pieu foré	Bore pile
Cọc khoan nhồi	Pieu fore-moule	Bored cast-in-place pile
Cọc ma sát	Pieu flottant	Friction pile
Cọc ống	Pieu-tube	Pipe pile, hollow shell pile
Cọc ống thép	Pieu-tube en acier	Steel pipe pile, tubular steel pile
Cọc ống thép không lấp lòng	Pieu tube non rempli	Unfilled tubular steel pile
Cọc ống thép nhồi bê tông lấp lòng	Pieu tube de l'acier a beton coule en situ	Concrete-filled pipe pile
Cọc rỗng ly tâm	Pieu creux	Hollow pile
Cọc thép hình H ...		Steel H pile
Cọc thử	Pieu d'essai	Test pile
Cọc ván, cọc ván thép	Palplache	Sheet pile
Con lăn, trụ đỡ của gối	Barre d'appui ...	
Cơ học kết cấu	Mŏcanique des structures	Structural analysis
Cơ học lý thuyết	Mŏcanique rationnelle	Pure mechanics, Theorical mechanic
Công tác kéo căng cốt thép	Mettre en tension	Tensioning (tensioning operation)
Công trình	Ouvrage d'art	Construction, work
Công trình kỹ thuật cao	Construction a haute	High tech work technique
Công trình phụ tạm để thi công	Construction provisoire d'execution	Temporary construction
Công trường	Chantier	Site
Công ty	Compagnie (gpoup)	Company, corporation
Công thức pha trộn bê tông	Formulation du beton	Concrete proportioning
Cống	égout	Buse ...
Cống chéo, cống xiên		Biais buse ...
Cốt đai dự ứng lực	étrier tendu	
Cốt liệu (sỏi đá)	Granulat	Aggregate

Cốt thép đai (dạng thanh)		Stirrup,link,lateral tie
Cốt thép bản cánh	Armature de l'aile	Flange reinforcement
Cốt thép bản mặt cầu	Armature du hourdis	Slab reinforcement
Cốt thép bên dưới (của mặt cắt)	Armature inféricure	Bottom reinforcement
Cốt thép bên trên (của mặt cắt)	Armature supéricure	Top reinforcement
Cốt thép chịu cắt	Armature contre cisaillement	Shear reinforcement
Cốt thép chịu kéo	Armature tendue	Tension reinforcement
Cốt thép chịu nén	Armature comprimé	Compression reinforcement
Cốt thép chủ song song hướng xe chạy	Armature parallele au passage (longitudinale)	Main reinforcement parallel to traffic
Cốt thép chủ vuông góc hướng xe chạy	Armature perpendiculaire au passage (lateral)	Main reinforcement perpendicular to traffic
Cốt thép có độ dính bám cao (có gờ)	Barre à haute adhérence	Deformed reinforcement
Cốt thép có độ tự chùng bình thường	Acier à relaxation normale	Medium relaxation steel
Cốt thép có độ tự chùng thấp	Acier à très basse relaxation	Low relaxation steel
Cốt thép có gờ (cốt thép gai)	Barre dedormee , Barre a nervois d'armature	Deformed bar, deformed reinforcement
Cốt thép dọc	Armature longitudinale	Longitudinal reinforcement
Cốt thép dự ứng lực	Armature de precontraite, Acier tendon	Prestressing steel, cable
Cốt thép dự ứng lực có dính bám với bê tông	Armature de precontrainte a adherante	Bonded tendon
Cốt thép dự ứng lực không dính bám với bê tông	Armature de precontrainte non adherente	Unbonded tendon
Cốt thép đã bị rỉ		Corroded reinforcement
Cốt thép đặt theo vòng tròn	Acier circulaire, frettage	Hoop reinforcement
Cốt thép găm (để truyền lực cắt trượt như neo)		Epingle Pin
Cốt thép lộ ra ngoài	Armature exposee	Exposed reinforcement
Cốt thép mức tối thiểu	Ferrailage minimal	
Cốt thép ngang	Acier tranversal, Armature tranversde	Transverse reinforcement
Cốt thép nghiêng	Armature inclinee	Inclined bar
Cốt thép phân bố	Armature repartie, Armature de reparation	Distribution reinforcement

Cốt thép phụ đặt gần sát bề mặt	Armature de peau	Skin reinforcement
Cốt thép tăng cường thêm	Armature de renfort	Strengthening reinforcement
Cốt thép thẳng	Armature droite	Straight reinforcement
Cốt thép thi công	Acier de construction	Erection reinforcement
Cốt thép thường (không dự ứng lực)	Armature passive (non precontrainte)	Non-prestressed reinforcement
Cốt thép trong sườn dầm	Armature en l'arme	Web reinforcement
Cốt thép tròn trơn	Rond lisse	Plain round bar
Cốt thép uốn nghiêng lên	Barre relevée	Bent-up bar
Cốt thép xoắn ốc	Armature spirale	Spiral reinforcement
Cột	chargee	Column
Cột chịu tải đúng trục	Colonne chargee axial	Axially loaded column
Cột chịu lực	Poteau	
Cột có cốt đai vuông góc với trục	Colonne a cache perpendiculaire a l'axe	Lateral tied column
Cột có cốt thép xoắn ốc	Colonne a armature spirale	Spiral reinforced column
Cột mốc	Balise ...	
Cột ống	Pieu-colonne	Pile column
Cột tháp (của hệ treo)		Pylone
Cung cấp, cung ứng	Fourniture	Supply
Cung ứng đến chân công trình	Fourniture à pied d'ceuvre	Supply at the site
Cửa cống		Culvert head
Cường độ chịu kéo	Resistance à la fraction	Tensile strength
Cường độ chịu kéo của bê tông ở 28 ngày	Resistance du beton à la traction à 28 jours	Tensile strength at 28 days age
Cường độ chịu mỏi	Rõsistance à la fatigue	Fatigue strength
Cường độ chịu nén ở 28 ngày	Rõsistance à la compression à 28 jours	Compressive strength at 28 days age
Cường độ chịu uốn	Resistance a la flexion	Flexural strength
Cường độ cực hạn	Resistance ultime	Ultimate strength
Cường độ đàn hồi của thép lúc kéo	Resistance elastique limite de l'acier en tension	Yield strength of reinforcement in tension
Cường độ đàn hồi của thép lúc nén	Resistance elastique limite de l'acier en compresion	Yield strength of rein forcement in compression
Cường độ đặc trưng	Rõsistance caractéristique	Characteristic strength
Cường độ khối vuông	Resistance de l'echantillon cubique	Cube strength

D

Dài hạn (tải trọng dài hạn)	… a long term	Long-term (load)
Dải phân cách	Separateur	Seperator
Dán bản thép	... Collage des plaques metalliques	Gluing of steel plate
Dãn nở	Elongation	Expansion
Dạng hình học của mặt cắt	Geometrie de la section	Section geometry
Danh định	Nominal ...	
Dầm	Poutre	Girder, beam
Dầm bản thép hàn	Poutre soudee a ame plaine	Welded plate girder
Dầm bản có đường xe chạy dưới	Poutre a ame plaine a tablie inferieure	Through plate girder
Dầm bản thép có đường xe chạy trên	Poutre a ame plaine a tablie superieure	Deck plate girder
Dầm bê tông cốt thép	Poutre en beton armee	Reinforced concrete beam
Dầm biên, dầm ngoài cùng	Poutre exterieure	Edge beam,exterior girder
Dầm chỉ có cốt thép chịu kéo	Poutre a armature en tension seulement	Beam reinforced in tension only
Dầm chịu tải trọng rải đều	Poutre sous charge uniformement	Uniformly loaded beam
Dầm có cả cốt thép chịu kéo và chịu nén	Potre a armature en tension et en compresion	Beam reinforced in tension and compression
Dầm chịu uốn	Poutre flechie	Flexural beam
Dầm chịu uốn thuần túy	Poutre en flexion simple	Pure Flexion beam
Dầm có chiều cao không đổi	Poure a hauteur constante	Beam of constant depth
Dầm có khoét lỗ	Poutre elegie	Voided beam
Dầm chữ T	Poutre en Té	T-beam, T-girder
Dầm dọc phụ	Longeron	Stringer
Dầm dự ứng lực kéo trước	Poutre a precontrainte anterieure (pretendure)	Pretensioned beam
Dầm dự ứng lực kéo sau	Poutre a precontrainte posterieure	Posttensioned beam
Dầm đỡ bản	Poutre sous dalle	Supporting beam
Dầm gối giản đơn	Poutre simple	Simply supported beam, simple span
Dầm hẫng	Poutre console	Cantilever beam
Dầm hộp	Poutre caisson	Box girder
Dầm hộp nhiều đốt	Poutre caisson a segments	Segmental box girder
Dầm liên tục	Poutre continue	Continuous beam
Dầm ngang	Entretoise, Piece de pont	Diaphragm
Dầm ngang đầu nhịp	Entretoise d’about	End diaphragm

Dần ngang đỡ mặt cầu	Entretoise portant le	Floor beam,tranverse beam table
Dầm ngang trong nhịp	Entretoise intermediaire	Intennediate diaphragm
Dầm nhỏ,dầm định hình	Poutrelle	
Dầm phía trong	Poutre iterieure	Interior girder
Dầm tạm để lao cầu	Poutre de lancement	Launching girder
Giá lao dầm Dầm tán đinh	Poutre rivee	Riveted girder
Dầm thép cán định hình	Profilé	
Dờu dương lấy hướng lên trên	Positive vers le haut	Positive upward
Dây thép buộc	Ligature	Ligature, Tie
Dịch vụ sau khi bán hàng	Service apres-vente	After sale service
Diện tích bao (không kể thu hẹp do lỗ)	Aire totale	Gross area
Diện tích cốt thép	Aire de l'armature	Area of reinforcement
Diện tích danh định	Nominale section	Area of nominal
Diện tích mặt cắt	Aire d'une section	Area of cross section (cross sectional area)
Diện tích tiếp xúc	Contract section	Contract area
Diện tích tính đổi	Aire convertee	Transformed area
Diện tích tựa (ép mặt)	Surface portante	Bearing are
Dính bám	Adherence	Bond
Dòng nước chảy	Courant d'eau	Stream flow,Tream current
Dỡ ván khuôn	Decoffrage	Form removal
Dung môi, Dung sai	Solvan Solvent	Tolerance Tolerance
Dùng	Utiliser	to use
Dụng cụ để thử nghiệm nhanh	Equipement pour essai rapide	Rapid testing kit
Dụng cụ đo, máy đo	Appareil de mesure	Testing device, Testing instrument
Duy tu,bảo dưỡng	Entretien	Maitenance
Dữ liệu (số liệu banđầu)	Donnee	Data
Dữ liệu để tính toán	Donnees de calcul	Calculation data
Dữ liệu về lũ lụt đã xảy ra		Past flood data
Dự án sơ bộ (đồ án sơ bộ)	Avant-projet	Preliminary design
Dự đoán	Prevoire	Forecast
Dự toán	Devis estimatif, Estimatif Estimation	
Dự ứng lực	Force de precontrainte	Prestressing force
Dự ứng lực đúng tâm	Precontrainte centree	Centred prestressing
Dự ứng lực lệch tâm	Precontrainte excentree	Non-centred prestressing

Dự ứng lực theo hướng ngang	Precontrainte laterale	Tranverse prestressing
Dự ứng suất	Precontrainte	Prestress
Dự ứng suất có hiệu sau mọi mất mát	Precontrainte effective (apres pertes)	Effective prestress after loses
Dự ứng lực ngoài	Precontrainte extericure	External prestressing
Dưới ảnh hưởng của	... sous l'effet de ...	... under the effect of ...
Dưỡng hộ bê tông mới đổ xong		Cure to cure, curing

Đ

Đá	...	Rock, stone
Đá dăm	Caillou, granulat concasse	Gravel
Đá hộc, đá xây	Moellon	Cobble, ashalar stone
Đá vỉa (chắn vỉa hè trên cầu)	Bordure de trotoir	Curb
Đà giáo, dàn giáo	Echafaudage,Cintre	Scaffold, scaffolding
Đà giáo treo, giàn giáo	Cintre	Centering,false work
Đà giáo tự di động	Cintre autolanceur girder	Moving construction
Đai ôm vòng quanh	Collier	
Đại tu	Rehabilitation	Rehabilitation
Đáp ứng các yêu cầu	...	to meet the requirements
Đầm, chày	Dame	Tamper
Đầm bê tông cho chặt	Compactage	Tamping
Đầm cạnh (rung ván khuôn)	Vibration des coffrages	Form vibrator
Đầm dùi (để đầm bê tông)	Aiguille (Vibrateur-aiguile)	Reedle vibrator
Đầm rung	Dame vibrante	Vibrating tamper ...
Đầm trên mặt	Vibrateur superficielle	Surface vibrator
Đầm trong (vùi vào hỗn hợp bê tông)	Vibrateur interne	Internal vibrator
Đánh giá, ước lượng	Estimation	Evaluation
Đất	Sol	Earth, soil
Đất á sét	Limon, argileux	Loam
Đất bồi, phù sa	Alluvion	Alluvion
Đất chặt	Terre compacte	Compact earth
Đất dính kết	Sol cohesif	Cohesive soil
Đất không dính kết, đất rời rạc	Sol non coherent	Cohesionless soil, granular material
Đất nền bên dưới móng	Sol de fondation	Foundation soil
Đất phù sa, đất bồi tích	Alluvion	Alluvial soil
Đất sét	Argile	Clay

Đấu thầu	Adjudication	Adjudication
Đầu cầu	About de pont	Bridge end
Đầu máy dieden	Loconotive a diesel	Diesel locomotive
Đầu máy hơi nước	Locomotive a vapeur	Stream locomotive
Đầu neo hình trụ có khoan lỗ	Tête d'ancrage culindrique percee	Perforated cylindrical anchor head
Đầu nhịp	Bout de la travee	Span end
Đầu nối để nối các cốt thép dự ứng lực	Coupleur	Coupler
Đặc trưng các vật liệu	Caracteristique des materiaux	Material characteristics
Đặc điểm vật liệu	Caractere du materiau	Material properties
Đặc trưng cơ học	Caracteristique mecanique	Mechanical characteristic
Đặt tải lệch tâm	...	Eccentric loading
Đặt tải lên ...	Chargement sur ...	Loading on ...
Đặt tải thử lên cầu	Chargement eperimentale sur le pont	Test loading on bridge
Đặt vào trong khung cốt thép	Mise en place dans le ferraillage	Put in the reinforcement case
Đê quai (ngăn nước tạm)	Batardeau	Cofferdam
Đế mấu neo dự ứng lực	Plaque d'appui	Bearing plate
Để hình loa của mấu neo dự ứng lực	Tromplaque	Trumplate, cast-guide
Đề phòng quá tải	Prevision de surchargement	Overload provision
Đệm đầu cọc	Avant-pieu	Pile cap
Điểm biểu diễn của nội lực (trên đồ thị)	Point representatif de sollicitation	Force representative point (on the curve)
Điểm cần đo cao độ	Point a niveler	Levelling point
Điểm đầu cốt thép được kéo căng bằng kích	Bout tire (de la precontrainte)	Jacking end
Điểm đặt của hợp lực	Point de passage de le resultante	Location of the resultant
Điểm đặt hợp lực nén bê tông	Point de passage de la resultante de compression du beton	Location of the concrete compressive resultant
Điều chỉnh, căn chỉnh cho đúng	Adjustement, ajuster	Adjustment
Điều kiện đất	...	Soild conditions
Điều kiện cân bằng ứng biến	...	Balanced strain condition
Điều kiện dưỡng hộ bê tông	Condition de cure du beton	Condition of curing
Điều kiện khí hậu bất lợi	Condition climatique defavorable	Unfavourable climatic condition
Điều kiện môi trường	...	Enviromental condition

Điều tra (thanh tra)	...	Inspection
Điều tra bằng phương pháp sóng âm	...	Sounding
Để ngăn cản sự tách rời nhau		In order to prevent separation
Đinh đỉa	Happe ,Crampon	Cramp, Crampon
Đinh móc	Clou à crochet	...
Đinh tán	Rivet	Rivet
Đinh tán ở bản cánh	Rivet sur l'ame	Flange rivet
Đinh tia-rơ-phông	Tire-fond	...
Đoàn tầu thử (để thử cầu)	Train d'experimentation	Test train
Đoàn tầu chạy thường xuyên trên tuyến	Train d'experimentation	Train serving the line
Đoàn xe tải	Convoi	Truck train
Đoạn dầm, khúc dầm	Troncon	Segment
Đoạn (đốt) hợp long của kết cấu nhịp	Vousoir de cle	Key block segment
Đoạn (đốt) kết cấu nhịp ở bên trên trụ	Vousoir de pile	On-pier segment
Đoạn ống loe ở đầu mấu neo	Trompette	Trumpet
Đóng cọc	Battage des pieux pilling	
Đóng cọc thêm		Driving additional piles
Đồ án	Projet	Project
Đồ án phác thảo sơ bộ	Avant-projet	...
Đổ bê tông (sự đổ bê tông)	Couler (la betonage)	to cast,(casting)
Đổ bê tông theo nhiều giai đoạn	couler en plusieures	... to cast in many stage phrases
Độ chối của cọc		Rebound of pile
Độ ẩm(độ ẩm tương đối)	Humidite (relative)	Humidity (relative)
Độ ẩm tương đối bình quân hàng năm	Humidite relative moyenne annuelle	Annual ambient relative humidity
Độ bền chịu lửa	Resistance au feu	Fire resistance
Độ bền lâu (tuổi thọ)	Durabilite	Durability
Độ co ngắn tương đối	Raccourcissement unitaire	Unit shortening
Độ co ngót tổng cộng	Retrait total du beton	Total shrinkage
Độ chặt	Compacite	Compactness
Độ cong	Courbure	Courbature
Độ chính xác (thử nghiệm)	Precision (des essais)	Accuracy (of test)
Độ cứng	Rigidite	Stiffness
Độ cứng chống uốn	Rigidite a la flexion	Flexural stiffness

Độ cứng chống xoắn	Rigidite a la torsion	Torsional stiffness
Độ cứng ngang của cầu		Lateral rigidity of the bridge
Độ dài di chuyển được của pittong của kích	Course du piston	Maximum stroke
Độ dãn dài của cốt thép	Allongement de l'acier	Steel elongation
Độ dãn dài tương đối	Allongement unitaire	Unit elongation
Độ dơ, độ lỏng lẻo	Jeu	...
Độ hoạt hoá xi măng	Activite du ciment	Activity og cement
Độ khít kín không rò nước	Etancheite	Tightness (water tightness)
Độ lệch tâm	Excentricite	Eccentricity
Độ liền (nguyên) khối của kết cấu	Integrite de construction	Structural integrity
Độ lún	Affaissement (tassement)	Setllement
Độ mảnh	Elancement	Slenderness
Độ nhớt	Viscosite	Viscosity
Độ mở rộng vết nứt	Ouverture des fissures	Crack opening, Crack width
Độ nhạy cảm	Sensibilité	Sensitivity, Sensitiveness
Độ ổn định	Stabilite	Stability
Độ ổn định hình dáng	Stabilite de forme	Figure stability
Độ rắn cứng	Degre de durete	Hardness degree
Độ rộng vết nứt	Largeur d'une fissure	Crack width
Độ sụt (hình nón) của bê tông	Affaissement au cone, cone d'abram	Slump
Độ tụt của nút neo trong lỗ neo (sau khiđã đóng chặt nút neo)	Rentree des clavettes	Anchor sliding
Độ thẩm thấu, độ thấm	Permeabilite	Permeability
Độ trượt trong mấu neo của đầu cốt thép	Glissement a l'ancrage	Anchor sliding
Độ võng	Fleche	Deflection
Độ vồng ngược	Contrefleche	Camber
Độ vươn hẫng	Longueur d'encorbellement	Cantilever dimension
Độ xốp rỗng (của bê tông)	Porosite (du beton)	Porosity
Đối trọng	Contrepoids	Counterpoiser, Counterbalance
Đồng chất	Homogeneite	Homonogeneity
Đồng hồ đo áp lực	Manometre	Manometer
Động đất	Sõisme(m); séismique(adj)	Earthquake
Động lực học	Dinamique	Dinamic
Đốt,đoạn (của kết cấu)	Vousoire	Segment
Đơn vị làn xe	Charge unitaire sur une voie	Traffic lane unit
Đúc bê tông tại chỗ	... couler (le beton) en situ	... to cast in place
Đục (bằng choòng)	Piquer	Pick

... được đo vuông góc với ...	...mesure perpendiculairement a ... perpendicular to ...	... mesured
... được đo song song với	... mesure paralletement a ...	... mesured parallel to ...
Đường bao	Courbe enveloppe	Endevelope curve
Đường cong, đoạn tuyến cong	Courbe	Curve
Đường cong biểu diễn đồ thị của ...	Courbe representative de ...	Representative curve of ...
Đường cong thực nghiệm	Courbe experimentable (contrainte-deformation)	Test curve (strain-stress)
Đường đắp đầu cầu	Remblai	Embankment
Đường kính danh định	Nominale diametre	Nominal diameter
Đường kính ngoài	...	Outside diameter
Đường sắt	Chemin de fere	Railway
Đường bộ	Route	Road
Đường dẫn vào cầu		Approach roadway
Đường biên trên của vòm		Extrados
Đường biên dưới của vòm		Intrados
Đường tên vòm		Rise of are
Đường thu phí giao thông		Toll Road
Đường thủy	Reseau navigable	Waterway
Đường trục, đường tim	Axe centrale	Center line
Đường trục cáp	Trace du cable	Cable trace
Đường trục cáp dạng parabole	Trace de cable parabolique	Parapolic cable trace
Đường trục cáp gồm các đoạn thẳng	Trace de cable compose de segments de droite	Cable trace with segmental line
... được nhân với		is multiplied by
Độ cứng chống xoắn		Torsional stiffness
Độ ổn định xoắn		Torsional stability
Đất đắp trên vòm bản		Fill,earth fill
Đường trục vòm		Areh axis
Đường áp lực		Line of pressine
Đóng cọc		Driving, piling
Đập đấu cọc		To ship pile head
Đặt hoặt tải lên mặt cầu		Application of lived load on deck slab
Đất đắp sau mố		Back fill behind abutmait
Đường ảnh hưởng mô men		Influence livie for moment
Đường dẫn vào cầu		Approaches, appwoch road
Đá vỉa		Guaid stone
Đường tim,đường trục		Centre line

Điều kiện đặt tải		Loading conditions

E

Ép mặt cục bộ	Pression localisee	Located pressure
Ép vữa	Injecter, injection	Grout, Grouting

G

Gang đúc	Fonte ductile	Cast iron
Gân, sườn (của bản)	Nervure	Rib ...
Gần đúng	Approximative	Approximate ...
Ghép nối	Jonction	Connection
Ghi	Aiguille	Needle
Giá 3 chân để lao cầu (dạng dàn)	Poutre de lancement	Launching girder
Giá búa đóng cọc	Sonnette	Pile drive
Giá thành bảo dưỡng, duy tu	Cout d'entretien	Maintenance cost
Giá thành chế tạo	Cout de manutention	Production cost
Giá thành thay thế	Cout de remplacement	Replacement cost
Giá thành thi công	Cout de mise en ceuvre	Construction cost
Giả thiết cơ bản	Hypothese de base	Basic assumption
Giả thiết tính toán	Hypothese de calcul	Design assumption
Giá trị quyết toán	Evaluation definitive	Definitive evaluation
Giai đoạn chuyển tiếp	Phase de transition	Transition stage
Giai đoạn đặt tải	Etape de chargement	Load stage
(Các) Giai đoạn thi công nối tiếp nhau	Phases successives de la construction	Construction successive stage(s)
Giải pháp kỹ thuật	Solution technique	Technical solution
Giằng gió	Contreventement	Bracing
Giám sát thi công	Inspection de construction	Supervision of construction
Gián đoạn giao thông	Interruption du trafic	Interruption of traffic
Giãn nở	Dilater, dilatation	Expansion
Giãn nở tự do	Dilatation libré	... Free expansion
Giáo trình (khóa học)	Cours	... Course
Giấy ráp	Papier de verre	Abrasive paper
Giằng gió	Contreventlement	Wind bracing
Giếng chìm	Caisson	Caisson
Giếng chìm áo vữa sét	Caisson a paroi en boue-ciment	Betonnite lubricated caisson

Giếng chìm đắp đảo	Caisson sur batardeau provisoire	Caisson on temporary cofferdam
Giếng chìm bê tông đúc tại chỗ	Caisson conlee en situ	Cast-in-place concrete caisson
Giếng chìm chở nổi	Caisson flotable	Floating caisson
Giếng chìm hơi ép	Caisson a air comprime	Air caisson
Giới hạn cắt trượt	Limite du cisaillement	Shear limit
Giới hạn đàn hồi	limite étastique	Elastic limit
Giới hạn đàn hồi qui ước	Limite conventionnelle d'elasticite	Conventional elasticity limit
Giới hạn phá hủy của cốt thép dự ứng lực	Limite de rupture de l'acier de precontrainte	Rupture limit of the prestressed steel
Giữ cho cố định	Fixation	Fixation
Giữ cho cố định vào ván khuôn	Fixation au coffrage	Fixation on the form
Ghi của đường sắt	Aiguille	
Giữ cho thông tuyến đường	Assurer le fonctionement du trafic	Keeping the line operating
Giữ cố định đầu cốt thép	Bloquer l'extremite des armatures	... to fixe the ends of reinforcement
Góc ma sát trong	Angle de frottement interne	Angle of interior friction
Gỗ dán (ván khuôn)		Plywood
Gỗ ép	Isoplane	Laminate timber
Gradien nhiệt	Gradient thermique	Thermal gradient

Gối bằng chất dẻo cán	Appui en elastomere frette	Laminated elastomeric bearing
Gối biên (mố cầu)	Appui d'about	End support
Gối cao su	Appui neoprene	Rubber bearing, neoprene bearing
Gối cầu	Apparei d'appui	Bearing
Gối cố định	Appui fixe, Appareil d'appui fixe	Fixed bearing
Gối con lăn	Appui a rouleaux	Roller bearing
Gối di động	Appui mobile, Appareil d'appui mobil	Movable bearing
Gối kiểu cơ khí	Appui mecanique	Mechanical bearing
Gối têtrôn	Appui tetron	Tetron bearing
Gối trung gian (trụ cầu)	Appui intermediaire	Intermediate support
Gối trượt có hướng dẫn	Appui guide glissant	Guided slipping bearing
Gối trượt tự do	Appui glissant libre	Slipping bearing
Gối cao su		Elastomatric bearing
Gối hộp chất dẻo		Elestomatric pot bearing
Gối con lăn		Roller bearing
Gia tốc trọng trường		Acceleration due to gravity
Gối bản thép		Plate bearing

H

Hạ lưu	Aval	Downstream side
Hàm lượng	Teneur, dosage	Content, Dosage
Hàm lượng cốt liệu	Dosage en granulats	Aggregate content
Hàm lượng thép trong bê tông cốt thép	Pourcentage d'acier	Steel percentage
Hàm lượng xi măng	Dosage en ciment	Cement content
Hàn	Soudage	Weld
Hàn chấm	Soudure par points	Spot-weld
Hàn tại công trường	Soudure sur chantier	Fild-weld
Hàn trong xưởng		Shop welding
Hàng rào chắn an toàn	Glissière	Safety railing
Hàng rào chắn bảo vệ đường xe chạy trên cầu	...	Vehicular railing, traffic railing
Hàng rào chắn bảo vệ đường xe đạp trên cầu	...	Bicycle railing
Hẫng, phần hẫng	Encorbellement (partie encorbellement)	Cantilever
Hạ lưu		Down stream end
Hệ cáp 1 mặt phẳng		Single plane system of cables
Hệ cáp 2 mặt phẳng		Two plane system of cables
Hệ cáp 2 mặt phẳng nghiêng		Two unclined plane system of cables
Hệ mặt cầu	Platelage	Bridge floor
Hệ số an toàn	Coefficient de securite	Safety factor
Hệ số an toàn từng phần	Coefficient partiel de securite	Partial safety factor
Hệ số dãn dài do nhiệt	Coefficient de dilatation thermique	Coefficient of thermal exspansion
Hệ số giảm mặt cắt thép	Coefficient minorateur aux sections d'acier	...
Hệ số đồng nhất	Coefficient d'homogeneite	Homonegeity coefficient
Hệ số giảm khả năng chịu lực	Coefficient minorateur a capacite	Strength capacity reduction factor
Hệ số không có thứ nguyên	Coefficient sans dimension	Dimensionless coefficient
Hệ số lệch tâm	Coefficient d'excentricite	Excentricity coefficient
Hệ số ma sát do độ cong	Coefficient de frottement angulaire	Friction curvature coefficient
Hệ số ma sát trên đoạn thẳng	Coefficient de frottement lineaire	Friction linear coefficient
Hệ số ma sát trượt	Coefficient de friction glissante	Coefficient of sliding friction
Hệ số mềm của các nhịp	Coefficient de souplesse des travees	Spans' flexibility coefficient

Hệ số phân bố ngang	Coefficient de reparation tranversale	...
Hệ số sử dụng	Coefficient d'ulitisation	...
Hệ số poát-xông	Coefficient de poisson	Poisson's ratio
Hệ số tải trọng	Coefficient de surcharge	Load factor
Hệ số tính đổi	Coefficient d'equivalence	Modular ratio
Hệ số tổ hợp tải trọng (đối với ...)	Coefficient du combinaison des charges (pour)	Load combination coefficient (for ...)
Hệ số xét đến tính liên tục của các nhịp	Facteur de continuite des travees	Continuity factor
Hệ số xung kích		Impact factor
Hệ số phân bố		Distribution coefficient
Hệ số nhám		Coefficient of roughness
Hệ giằng liên kết của dàn		Lateral bracing
Hệ thống siêu tĩnh	Systeme hypestatique	Hyperstatic system
Hệ thống thoát nước, sự thoát nước	Drainage	Drainage
Hệ thống tĩnh định	Systeme isostatique	Isostatic system
Hiệu chỉnh	Elalonnage, elalonnier	...
Hiệu ứng nhiệt		Thermal effect
Hiệu ứng thủy triều		Buoyancy effect
Hình dạng trái xoan, hình oval	Oval	Oval
Hình vẽ tổng thể	Vue d'ensemble	General view
Durcissement du beton	Durcissement du beton	Concrete hardning
Hóa cứng trong điều kiện bình thường	Durcissement en normale condition	Hardening under normal condition
Hoàn công	Achevement des travaux	...
Hoạt tải	Charge mobile	Live load, moving load
Hoạt tải tác dụng trên vỉa hè	Charge mobile sur trottoir	Sidewalk live load
Hoạt tải tạm thời	Surcharge mobile provisoire	Live load
Hoạt tải rải đều tương đương		Equivalent distribuled live load
Hồ sơ mẫu, tài liệu hướng dẫn	Dossier pilote	Typical document
Hồ sơ thi công	Dossier d'execution	Construction document
Hồ sơ đấu thầu		Formal tender
Hỗn hợp đã trộn		Mixing
Hợp đồng	Contrat	Contract, agreement
Hợp đồng chuyên gia	Contrat d'expertise	Expertise contract
Hợp đồng cung cấp	Contrat de fourniture	Supply contract
Hợp kim	Alliage	Alloy

Hợp long	Clavage	Closure
Hợp lực		Resultant
Hợp lực dính		Resultant of cohesion
Hợp lực ma sát		Resultant of friction
Hợp lực bằng không		Zero resultant
Hư hỏng (hư hỏng cục bộ)	Dammage locale, Default locale	Damage (local damage)
Hướng gió	Direction ventee	Wind direction
Hướng lên phía trên	Ascendante	Upward

K

Keo epoxy	Colle epoxy	Epoxy resin
Keo tổng hợp	Colle synthetique	Synthetic resin
Kỏo căng	Mettre en tension	Prestressing
Kỏo căng cốt thép từng phần	Pretension partielle	Partial prestressing ...
Kỏo căng cốt thép theo từng giai đoạn	Pretension par étapes	Prestressing by stages
Kỏo căng không đồng thời	Non-simultaneite de mise en tension	Non-simultaneity of jacking
Kỏo căng quá mức	...	Overstressing
Kỏo dài cốt thép	Prolonger les armatures	To extend reinforcement
Kỏo thuần túy	Traction simple	Simple tension
Kết cấu bên dưới	Infrastructure	Substructure
Kết cấu bên trên	Superstructure	Superstructure
Kết cấu dự ứng lực liên hợp	Construction composite précontrainte	Composite prestressed structure
Kết cấu dự ứng lực liền khối	Construction precontrainte monolithe	Monolithic prestressed structure
Kết cấu đúc bê tông tại chỗ (dầm, bản, cột)	Structure coulée en site (poutre,dalle,colone)	Cast in situ structure (slab, beam, column)
Kết cấu được liên kết bằng bu lông	Structure boulonné	Bolted construction
Kết cấu được liên kết hàn	Structure soudé	Welded construction
Kết cấu hiện có	Structure existante (beton existant)	Existing structure (Existing concrete)
Kết cấu khung, sườn	Ossature	Structure
Kết cấu liên hợp thép – bê tông cốt thép	Ossature mixte acier – beton	Composite steel and concrete structure
Kết cấu nhịp cầu		Bridge deck
Kết cấu nhịp	Ossature	Desk
Kết cấu nhịp bản có lỗ rỗng	Tablier en dalle elegie	Hollow slab deck

Kết cấu nhịp bản liên tục	Tablier en dalle continue	Continuous slab deck
Kết cấu nhịp có nhiều sườn dấm chủ	Pont à multipli poutres	Multi-beam deck, multi-beam bridge
Kết cấu siêu tĩnh	Hyperstatique structure	Statically indeterminate structure
Kết cấu tường chắn		Retaining structure
Kết cấu phần trên		Superstructure
Kết cấu phần dưới		Substructure
Kết cấu liền khối		Monolithic structure
Kết quả thử nghiệm cầu	Resultat d'experimentation du pont	Bridge test result
Kết tinh		Crystallize
Khả năng chịu cắt của mặt cắt	Capacité de cisaitlement de la section	Shear capacity of the section
Khả năng chịu lực đã tính toán được	Capacité résistante calculée	Computed strength capacity
Khả năng chịu tải	Capacité de charge	Load capacity, Load-carrying capacity
Khả năng chịu tải của cọc	Capacite portanye de pieu	Supporting power of pile Supporting capacity of pile Load-carrying capacity of pile
Khả năng chịu tải của cọc theo vật liệu của cọc	Capacité portante du pieu par materiau de structure	Load capacity of the pile as a structural member
Khả năng chịu tải của cọc theo đất nền	Capacité portante du pieu par sol de fondation	Load capacity of the pile to transfer load to the ground
Khả năng chịu tải của đất nền	Capacité portante du sol de fondation	Bearing capacity of the foundation soils
Khả năng hấp thụ (làm tắt) dao động	Capacité absorbante	Vibration-absorbing capacity
Khả năng tiêu nước		Discharge capacity
Khấc	Encoche	...
Khảo sát		Investigation
Khảo sát cầu		Investigation for bridges
Khảo sát địa hình	Reconnaissance topographique	Topographic survey
Khảo sát thủy lực	Investigation hydraulique	Hydraulic investigation
Khảo sát thủy văn	Investigation hydrologique	Hydrologic investigation
Khẩu độ thoát nước	Travée d'ècoulement d'eau	Waterway opening
Khe biến dạng cho cầu	Joint de chaussere	Expansion joint for bridge, Road joint
Khe co dãn, khe biến dạng	Joint de dilatation	Expansion joint
Khe nối	Joint	Joint

Khe nối thi công, vết nối thi công	Joint de construction	Erection jiont ...
Khoan	Percer, percerment	Tosbou
Khoang	Panneau	...
Khoảng cách	Espacement	Spacing, distance
Khoảng cách giữa các bánh xe	Espacement des essieux	Wheel spacing
Khoảng cách giữa các cốt đai trong sườn dầm	Longitudinal espacement entre des armatures	Longitudinal spacing of the web reinforcement
Khoảng cách giữa các cốt thép dự ứng lực	Espacement d'acier précontrainte	Spacing of prestressing steel
Khoảng cách giữa các dầm	Espacement des poutres	Girder spacing
Khoảng cách giữa các dầm ngang	Espacement des entretoises	Diaphragm spacing
Khoảng cách giữa các mấu neo	Espacement des blocks d'ancrage	Anchorage spacing
Khoảng cách giữa các trụ cầu	Espacement des piles	Pier spacing
Khoảng cách giữa các trục xe	...	Axle spacing
Khoảng cách trống (nhịp trống)	Espacement libré	Clear span
Khoảng cách từ tâm đến tâm của các...	Distance du centre au centre des ...	Distance center to center of ...
Khoảng cách từ tim đến tim của các dầm	Distance du centre au centre des poutres	Distance center to center of beams
Khô	Sec (seche)	Dry
Khối bản mặt cầu đúc sẵn	Tablier préfabriqué	Deck panel
Khối đầu neo	Bloc d'ancrage	End block
Khối đất đắp (sau mố sau tường chắn)		Backfill
Khối đất trượt		Sliding mass
Khối neo,đầu neo (có lỗ chêm vào,tỳ vào đế neo)	Bloc d'ancrage, Tête d'ancrage	Anchorage block
... không thay đổi dọc nhịp	... constante tout le long de la travee	... constant alongthe span
Khối xây lớn đặc	Massif	Massive
Khối đầu dầm		Enol block
Khối xây đá		Stone masenry
Khổ giới hạn thông thuyền		Clearance for navigation
Khổ đường sắt		Raiway gauge, Width of track
Khổ đường hẹp		Narrow gauge

Khởi công	Demarage du chantier	...
Khởi công xây dựng	Demarrage des travaux	...
Khớp nối, chốt nối	Articulation	Hinge
Khu vực chịu kéo của bê tông	Zone de tension du beton	Tension zone in concrete
Khu vực neo	Zone d'ancrage	Anchorage region
Khuấy trộn	Brasser, brassage	to mix, Mỹxing
Khuôn hình chóp cụt để đo độ sụt bê tông	Cone d'abrams	Abraham's cones
Khung	Charpente	Frame
Khung kiểu cổng (khung hở)	Portique ouvert	Open frame
Khuyết tật ẩn dấu	Vice cache	Hidden defect
Khuyết tật của công trình	Vice de construction	Structural defect
Khuyết tật lộ ra (trông thấy được)	Vice apparent, Defaut apparent	Apparent defect
Kích	Verin	Jack
Kích có bộ ngàm giữ cáp ở phía trước	Verin a prise frontale	...
Kích có bộ ngàm giữ cáp ở phía sau	Verin a prise arriere	...
Kích dẹt, kích đĩa Kích đẩy	Verin plat, Verin à pousée	Flat jack, Pushing jack
Kích để kéo căng cáp có nhiều bó sợi xoắn	Verin multitoron	Multistrand jack
Kích để kéo căng một bó sợi xoắn	Verin monotoron	Monostrand jack
Kích 2 tác dụng có pistông trong	Verin a double effet à piston creux mobile	...
Kích tạo dự ứng lực	Verin de tension	Prestressing jack
Kích thủy lực	Verin hydraulique	Hydraulic jack
Kích thước bao ngoài	Dimension hors-tout	Overall dimension
Kích thước danh định	Dimension nominale	Nominal size
Kích thước tính bằng milimet	Cotes en mm	...
Kích trượt trên teflon	Verin glissant sur téflon	Sliding jack on teflon
Kĩ sư thực hành		Practising engineer
Kỹ thuật cầu		Bridge engineering
Kiểm tra (kiểm toán)	Verifier, la verification	Control, checking
Kiểm tra chất lượng bê tông	Contrôle de qualité du beton	Checking concrete quality
Kiểm tra để nghiệm thu	Controle de reception	Reception control
Kiểm tra thực nghiệm	Verification experimentale	...

Kiểm tra trong quá trình sản xuất	Controle en cours de fabrication	Production supevision
Kiểu cầu	Type de pont	Bridge type
Ký hiệu	Notation	Notation
Kỹ sư cố vấn	Ingénieur conseil	Consulting engineer

L

Làm chậm lại	Retarder	... to retard
Lan can		Hand rail
Lan can trên cầu	Garde-corps	Railing
Làn xe	Voie	Lane, traffic lane
Làn xe thiết kế	Voie projetee	Design lane
Lao cầu	Lancement, lancier	Lauching
Lao ra bằng cách trượt	Lancement par gissement	Launching by sliding
Lờy mẫu thử	Echantionnage	Probing
Lập kế hoạch thi công	Planification des travaux	Work planing
Lắp dựng	Montage	Erection
Lắp đặt thiết bị	Installation	Installation
Lệch tâm	Excentre	Excentred
Liên kết, nối	Liaison, Assemblage	Joint, Connection, Splice
Liên kết bu lông	Connection par boulon	Bolted splice
Liên kết cứng	Liaison rigide	Rigid connection
Liên kết mềm	Liaison souple	Flexible connection
Liên kết trượt	Connection glissant	Sliding joint
Liên kết chốt		Pinned joint
Liền khối	Monolithe	Monolithic
Lõi hình xoắn ốc trong bó sợi thép	Spirale	Center spiral
Lõi nêm neo (hình chóp cụt)	Clavette	Male cone
Lớp phủ mặt cầu		Wearing coat
Lớp lót mặt nền đường		Subbase
Lớp cách nước	Chape étanchéité	Waterproofing membrane
Lỗ để bơm vữa vào ống chứa cáp	Trou d’injection	Grout hole
Lỗ hình chóp cụt	Trou conique	Conic hole
Lỗ mộng	Mortaise	...
Lỗ thủng, lỗ khoan	Trou	Hole
Lún	Tassement, Affaissement	Settlement
Lực		Force
Lực ly tâm		Centifugal force

Lực dọc		Longitudinal force
Lực do dòng nước		Water current force
Lực do độ cong đường và độ lệch tâm đường		Forces due to curvature and eccentricity of truck
Lực lên lan can		Forces on parapets
Lực do sóng		Wave force
Lực động đất		Seismic force
Lực đẩy ngang chân vòm		Horizontal thrust
Lực cắt trượt nằm ngang		Horizontal shear
Lực cắt thẳng đứng		Vertical shear
Lớp	Nappe	Layer
Lớp bê tông bảo hộ	Enrobage	Protective concrete cover Cover to reinforcemont
Lớp cốt thép bên dưới	Nappe inferieure d'armature	Lower reinforcement layer
Lớp mạ kẽm	Zingage, Revetement de zinc	Zinc covering
Lớp nước	Nappe d'eau	Water layer
Lớp phòng nước (lớp cách nước)	Etancheite, Couche d'etancheite	Water procfing layer
Lớp phủ mặt vỉa hè	Revetement de trotloir	Side walk cover
Lĩnh vực áp dụng	Domaine d'application	Application field
Lũ lịch sử	...	Historical flood
Lũ lụt	Innondation	Flood
Lũ thiết kế	Innondation historique	Design flood
Luồn cáp qua	Passage du cable	Cable passing
Luồn cáp vào kích	Enfilage de torons dans le verin	...
Lực cắt	Effort tranchant	Shear force
Lực cắt do phần bê tông chịu	Cisaillement supporte par le beton	Shear carried by concrete
Lực cắt do tĩnh tải	Cisaillement par charge permanente	Shear due to dead load
Lực cắt do hoạt tải	Cisaillement par charge mobile	Shear due to live load
Lực cắt đã nhân hệ số	Effort tranchant factorise	Factored shear force
Lực cắt nằm ngang	Effort tranchant horizontal	Horizontal shear
Lực cắt thẳng đứng	Effort tranchant vertical	Vertical shear
Lực do dòng nước chảy tác dụng vào mố trụ	Force du courant d'eau sur la pile (le culee)	Force from stream current on pier(abutment)
Lực do nhiệt độ	Force thermique	Thermal force
Lực dọc	Effort longitudinnale	Longitudinal force
Lực dọc trục	Effort axiale	Axial force
Lực đẩy,lực đẩy ngang	Poussee	Pressure
Lực đẩy nổi	Flottaso	Buoyancy
Lực động	Effort dinamique	Dinamic force

Lực động đất	Effort seisemique	Earthquake forces
Lực hướng tâm	Force radiale	Radial force
Lực kích (để kéo căng cốt thép)	Effort de traction du verin	Jacking force
Lực lật đổ	Force	Overturning force
Lực ly tâm	Force centrifuge	Centrifugal force
Lực nén cục bộ	Effort de compression locale	Local compresion
Lực tác dụng từ phía bên	Force laterale	Latenal force
Lực tập trung	Effort concentre	Concentrated force
Lực tính	Effort statique	Statical force
Lực va dọc cầu (ngang sông)	Chocs lateraux (choc lateral)	...
Lực va ngang cầu(dọc sông)	Chocs frontaux (choc frontal)	...
Lực va chạm	Choc	Impact
Lực va chạm do đường không đều	Choc par irregularite de la voie	Impact due to track irregular
Lực va chạm do xe chạy lắc lư	Choc du materiel roulant	Rolling impact
Lực xiết bu lông	Effort de serrage	...
Lưới cốt thép sợi hàn	Grille d'armature soudee	Welded wire fabric, Welded wire mesh
Lưới tọa độ quốc gia		National coordinate grid
Lực kéo	Effort de traction	Traction
Lưu lượng thiết kế	Debit de calcul	Design volum
Lý thuyết dầm	Theorie de la poutre	Beam theory
Lý thuyết nửa xác suất	Theorie semi-probabiliste	Semi probability theory
Lý thuyết xác suất về độ an toàn	Theorie probabiliste de la securite	... Probability theory of safety
Lý thuyết từ biến tuyến tính	Theorie de fluage liniaire	Theory of linear creep
Lý trình (ở lý trình X)	Point kilometrique (au X)	...

M

Ma sát	Frottement	Friction
Ma sát trượt	Friction glissante	Sliding friction
Ma trận cứng		Stiffness matrix
Mạ kẽm, lớp mạ kẽm	Zingage	Zinc covering
Mái dốc	Pente	Slope
Mao dẫn	Capillaire	...
Mát-tít	Mastic	Mastic
Mát tít bi tum		Biturninous mastic

Máy bơm vữa lấp lòng ống chứa cáp	Pompe d'injection	Grout pump
Máy cao đạc (máy thủy bình)	Niveau	Levelling instrument
Máy cắt cốt thép	Coupeuse	Cutting machine
Máy đẩy cáp vào trong ống chứa cáp	Machine a pousser les torons	Pushing machine
Máy đo ghi dao động	Oscillographe	Oscillograph
Máy đo lớp bê tông bảo hộ cốt thép	Appareil de mesure de la couche d'envelope	Cover-meter, Rebar locator
Máy khuấy	Agitateur	Agitator Shaker
Máy nén mẫu thử bê tông	...	Crushing machine
Máy thử kéo	Appareil d'essai de tension	Tensile test machine
Máy thử mỏi	Appareil d'essai de fatigue	Fatigue test machine
Máy trộn vữa	Malaxeur, Melangeur	Grout mixer
Mất mát do co ngắn đàn hồi	Perte due au raccourcisement elastique	Lost due to elastic shortening
Mất mát do co ngót bê tông	Perte de tension due au retrait du beton	Loss due to concrete shrinkage
Mất mát do ma sát	Perte de tension par frottement	Friction looses
Mất mát do từ biến bê tông	Perte de tension due au fluage du beton	Lost due to relaxation of prestressing steel
Mất mát do tự chùng cốt thép dự ứng lực	Perte de tension due à la relaxation de l'acier	Lost due to relaxation of prestressing steel
Mất mát dự ứng suất	Perte de tension	Loss of pressed (pressed losses)
Mất mát dự ứng suất do biến dạng tức thời của bê tông khi kéo căng các cáp lần lượt (không đồng thời)	Pertes par deformation instantanee du beton lors de la mise en tension non simultanee de plusieurs cables	Loss due to concrete instant deformation due to non-simultaneous prestressing of several strands
Mất mát dự ứng suất lúc đặt mấu neo	Perte de tension à l'ancrage, Perte par rentree l'ancrage	Loss at the anchor, Loss due to anchor slipping
Mất ổn định mái dốc		Slope failure
Mẫu thử khối vuông bê tông	...	Test cube, cube
Mặt bằng, kế hoạch	Plan	Plan
Mặt bằng vị trí công trình	Plan de masse	Land planing
Mặt bích, cái bích nối ống	Bride	...
Mặt cầu bản trực hướng		Orthotropic deck
Mặt cầu không ba lát		Without balasted floor
Mặt cầu BTCT có balát		Balasted reiforced concrete gleck

Mặt cắt bê tông chưa bị nứt	Section non-fissuree du beton	Uncracked concrete section
Mặt cắt bê tông đã bị nứt	Section fissuree du beton	Cracked concrete section
Mặt cắt chịu lực bất lợi nhất	Section la plus sollicitee	The most sollicited section
Mặt cắt chữ nhật	Section rectangulaire	Rectangular section
Mặt cắt chữ T	Section en Te	T section
Mặt cắt chữ T ngược	Section en Te inverse	Inverted T section
Mặt cắt có bản cánh (mặt cắt T, I, hộp)	Section a ailes (T,I, caisone)	Flanged section
Mặt cắt có momen cực đại	Section a moment maximal	Section of maximum moment
Mặt cắt dọc	Profil en long	Longitudinal section
Mặt cắt đặc	Section plein	Plain section
Mặt cắt địa chất	Coupe geologique	Soil profile
Mặt cắt được xét	Section examinee	Considered section
Mặt cắt giữa nhịp	Section mediane, Section en travée	Midspan section
Mặt cắt hình nhẫn	Section circulaire	Circular section
Mặt cắt hình hộp tam giác		Trapezcidal box section
Mặt cắt khoét rỗng	Section creuse	Voided section
Mặt cắt liên hợp	Section composite	Composite section
Mặt cắt ngang	Section tranversale	Cross section
Mặt cắt ngang dòng nước	Section perpendiculaire au courant	Stream cross section
Mặt cắt gối		Section at support
Mặt cắt giữa nhịp		Cross section at mid span
Mặt cắt trên gối	Section sur appui	... On-bearing section
Mặt cắt vuông	Section carree	Square section
Mặt ngoài công trình	Parement des ouvrages	...
Mặt trượt		Surface of sliding
Mặt trượt tròn		Circular sliding surface
Mặt trượt gẫy góc		Wedge-shaped sliding surface
Mặt phá hoại		Failure surface
Mặt phá hoại cong		Curved failure surface
Mờu neo	Ancrage	Anchorage
Mẫu thử đại diện	Eprouvette	Representative spicement
Mẫu thử bê tông hình trụ	Cylindre	Cylinder, Test cylinder
Mẫu thử để kiểm tra	Eprouvette de controle	Test example
Mẫu thử để kiểm tra trong quá trình thi công	Epreuve de controle en cours de travaux	Test example during execution
Mẫu thử lấy ra từ kết cấu thật	Epreuvette prise de la structure	Sample taken out from the actual structure
Mép hẫng của bản	Cote non-supporte de la dalle	Unsupported edge of the slab

Móc câu (ở đầu cốt thép)	Courbure de barre, Crochet	Hook
Mỏi	Fatigue	Fatigue
Mỏi rỉ	Corrosion fatigue	Corrosion fatigue
Móng	Foundation	Foundation
Móng cọc	Fondation sur pieux	Pile foundation
Móng cống		Bedding
Móng nông	Fondation superficielle	Footing
Móng sâu	Fondation profondee	Deep foundation
Mở đơn đấu thầu		Opening the tender
Mở rộng mặt cầu		Wedening of the deck
Mô-đun biến dạng	Module de deformation	Modulus of deformation
Mô-dun biến dạng dọc tức thời của bêtông	Module de deformation longitudinale instantanée du beton	Young modulus of concrete (modun young)
Môdun có hiệu quả	Modle effectif	Effective modulus
Mô-đun đàn hồi	Module d'elasticite	Modulus of elasticity
Mô men cực hạn	Moment ultime	Ultimate moment
Mô men dọc theo nhịp ngắn của bản		Moment along sherter span
Mô men uốn	Moment flechissant	Bending moment
Mô men uốn do hoạt tải	Moment flechissant du auxcharges variables	Live load moment
Mô men uốn trên 1 đơn vị chiều rộng của bản		Bending moment per unit
Mô men gây nứt	Moment de fissuration	Cracking moment
Mô men gây xoắn	Momen de la torsion	Twist moment
Mômen giữ chống lật đổ	Moment retenant	Righting moment
Mô men gối theo nhịp dài của bản		Support moment
Mômen kháng uốn của mặt cắt	Module de la section	Section modulus
Mômen kháng uốn của mặt cắt đối với thớ trên cùng (dưới cùng)	Modul de la section par rapport a la fibre superieure (inferieure)	Section modulus with respect to top (bottom) fibers
Mômen kháng uốn của thớ trên cùng đối với trọng tâm mặt cắt	...	Section modulus of top fiber refered to center of gravity
Mô men lật đổ	Moment bouleversant	Overturning moment
Mô men thứ cấp do dự ứng lực	Moment secondaire du a la precontrainte	Secondary moment due to prestressing
Mô men đã nhân hệ số	Moment factorise	Factored moment
Mô ment quán tính	Momen d'inertie	Moment of inertia

Mô men siêu tĩnh do dự ứng lực	Moment hyperstatique de precontrainte	...
Mô men tĩnh của phần mặt cắt ở bên trên (hoặc bên dưới) của thớ đang xét chịu cắt lấy đối với trục trung hoà	Moment statique de la section sus (ou au dessous) du niveau en examination du cisaillement par rapport a l'axe neutre	Statical moment of cross section are about (or below) the level being investi-gated for shear about the centriod
Mô men tĩnh định do dự ứng lực	Moment isostatique de precontrainte	Hypestatic moment of prestressing
Mố cầu	Culee, appui d'extemite	Abutment, end support
Mố kiểu trọng lực	Culee massive les appuis	Gravity abutment
Mố trụ cầu (nói chung)		Supports
Mô tả	Description	Description
Mở rộng của sườn dầm	Elargissement de l'ame	Widening of web
Mốc trắc đạc	Point de repere	Fix point
Môi trường	Environnement (l'ambiance)	Evironment
Môi trường ăn mòn	Milieu agressif, ambiance	Corrosive environment agressive
Mối hàn		Saudure
Mối hàn theo chu vi		Peripheral weld
Mối nối cáp dự ứng lực kéo sau	Coupleur	Coupler (coupling)
Mối nối chồng lên nhau của cốt thép	Plaque de recouvrement	Lap
Mối nối hợp long (đoạn hợp long)	Joint de clavage	Closure joint
Mối nối ở hiện trường	Connexion au chantier	Field connection
Mối nối ở hiện trường bằng bu lông cường độ cao	Connexion au chantier par boulon a haut resistance	Field connection use high strength bolt
Một cách đối xứng	Symmetriquement	Symetrically
Một cách rải đều	Uniformement reparti	Uniformly
Mũ cọc, đệm đầu cọc	Avant pieu	Pile cap
Mui luyện, độ khum	Bombement	...
Mũi cọc	Pointe du pieu	Pier nose
Mức nước lũ cao nhất		Highest flood level
Mức nước tần suất 1%	Niveau a 1% de frequence	...

N

Nách dầm,vút cánh dầm		Haunch,Tapered haunch
Nâng lên (sự nâng lên)	Soulever (le soulevement)	Lifting

Nén bẹp cục bộ (ở chỗ đặt gối)	Ecrasement local	Local crushing	
Nén thuần túy	Compession simple	... Pure compression	
Neo (của dầm thép liên hợp bản BTCT)	Connecteur	Connector	
Neo của dầm liên hợp		Shear connector	
Neo cứng		Rigid connector	
Neo bằng thép góc có sườn tăng cường		Stiffened angles	Ancrage actif Active anchorage
Neo mềm		Flexible connector	
Neo kiểu đinh		Stud	
Neo chủ động			
Neo dạng thanh thẳng đứng để nối 2 phần bê tông cốt thép khác nhau	Ancrage vertical reliant deux parties differaents du beton arme	Vertical-tie	
Neo kiểu đinh (của dầm thép liên hợp bê tông)	Connecteur goujons	Stud shear connector	
Neo kiểu thép góc	Connecteur cornieres	Corner connector	
Neo ngầm (nằm trong bê tông)	Ancrage noye, Ancrage incorpore au beton de l’ouvrage	...	
Neo ngoài	Ancrage exterieur	Exterior anchor	
Neo nhờ lực dính bám	Ancrage par adherence	Anchor by adherence	
Neo quai, neo vòng	Connecteur arceaux	...	

Neo thụ động	Ancrage passif	Passive anchor
Neo trong	Ancrage noye	Internal anchor
Neo trong đất (dùng cho hầm, tường chắn)	Acrage dans le sol	Ground anchor
Nền đá	Roche mere	Rock
Nền đất của đường		Subgrade
Nền đường đào	Deblai	Excavation
Nền đường đắp	Remblai	Embankment
Ngắn hạn (tải trọng ngắn hạn)	...	Short-term (short load)
Nghiệm thu	Acceptation	Acceptance
Nghiên cứu sơ bộ trước	Etude prealable	Preliminary study
Ngoại lực	Effort exterieu, Sollicitation exterieure	External force
Nguồn cung cấp vật tư, máy móc	Fournisseur	Provider
Nguyên nhân hư hỏng	Cause de degat	Cause for deterioratio
Người gọi thầu	Adjudicateur	Owner
Người nhận thầu, nhà thầu (bên B)	Adjudicataire	Contractor
Ngưỡng an toàn tối thiểu	...	Minimum safety margin
Nhà kho có mái che		Shed
Nhào trộn	Gacher	Mix
Nhân công, tiền công thợ	Main d'oeuvre	Labour,(Labour cost)
Nhận thầu	Prendre en adjudication	...
Nhiệt độ dưỡng hộ bê tông	Temperature de cure	Curing temperature
Nhiệt độ giả định lúc lắp ráp	Temperature supposee au moment de montage	Assumed temperature at the time of erection
Nhiệt độ không khí	Temperature ambiante	Air temperature
Nhịp, khẩu độ	Travee	Span
Nhịp chính lớn		Majlor span
Nhịp đeo	Travee suspendue	Suspended span
Nhịp gối giản đơn	Travee independante	Simply supported span
Nhịp liên tục	Travee continue	Continuous span
Nhịp neo		Anchor span
Nhịp thông thuyền		Navigation span
Nhịp tịnh không	Portee libre	Cloar span
Nhóm cọc	Groupe de pieux	Group of piles
Nhóm cốt thép	Groupe de l'armature (paquet d'armature)	... Reinforcement group
Nhổ bật lên	...	Uplift

Nhúng kim loại trong kẽm nóng để chống rỉ	Galvanisation au chaud, Galvaniser	Galvanisation
Nhược điểm	Point faible	Drawback
Nối các đoạn cáp dự ứng lực kéo sau	Couplage toron par toron	Connection strand by strand
Nối chồng	Recouvrement	Overlap
Nối cốt thép dự ứng lực	...	Caupling
Nối dài cọc		Dile splicing
Nối ghép, nối dài ra	Assemblage, recouvrement	Splice
Nội lực	Solicitation	...
Nối khớp	Articuler	... to connect by hinge
Nối ống	Manchon, raccord	...
Nối tiếp nhau	Successive	Successive
Nội suy tuyến tính	Interpolation	to interpolate linearly
Nút (trong mạng lưới)	Noeud	Node
Nút neo (chêm trong mấu neo dự ứng lực)	Mor, clavette	Anchoring plug
Nút neo chêm sẵn trong mấu neo thụ động	Clavette prebloquec	Preblocked plug
Nước để trộn		Mixing water
Nước mặt	Eau de surface	...
Nước ngầm	Eau souterraine	Subsoil water, Underground water
Nứt	Fissuration	Cracking
Nứt nghiêm trọng	...	Severe cracking

Ô

ố mầu trên bề mặt bê tông	Efflorescence	Efflorescence
ống bằng polyetylen mật độ cao	Conduit en polyethylene a haute densite	Hight density
ống chứa cốt thép dự ứng lực	Conduit, tube polyethylene duct	Duct
ống có rẽ nhánh	Culotte	...
ống cống	Buse	Culvert
ống mềm (chứa cáp, thép DƯL)	Gaine	Flexible sheath
ống loe của mấu neo trong kết cấu dự ứng lực kéo sau	Trompette, guide	Trumpet, guide
ống thép hình tròn	Tube ronde (d’acier)	Round steel tube
ống thép nhồi bê tông	Tube rempli de beton concrete	Steel pipe filled with

ổn định mái dốc		Slope stability
ổn định khí động lực của cầu		Aercdynamic Stability of bridge

Ơ

ở giữa nhịp	à mi – portee	At mid – span
ở ả nhịp		At quarter point

P

Phá hoại	Rupture	Failure
Phá hủy	Destruction	...
Phạm vi	Domaine	Scop, field
Phạm vi an toàn	Domaine de securite	Safey field
Phạm vi áp dụng	Domaine d’application	Field of application
Phản lực	Reaction	Reaction
Phản lực gối	Reaction d’appui	Support reaction
Phân bố áp lực	Repartition de pression	Pressure distribution
Phân bố dọc của tải trọng bánh xe	Repartition longitudinale des charges d’essieur	Longitudinal distribution of the wheel load
Phân bố lại	Redistribution	...
Phân bố lại nội lực	Redistribution des efforts	Internal force redistribution
Phân bố lực giữa	Repatition des efforts entre ...	Force distribution betwween ...
Phân bố ngang	Repartition laterale	Transverse distribution, Lateral distribution
Phân bố ngang của tải trọng bánh xe	Repartition laterale des charges d’essieur	Lateral distribution of the wheel loads
Phân bố tải trọng	Repartition des charges	Load distribution, distibution of load
Phân bố theo chiều dọc của bánh xe	Repartition longitudinale des charges d’essieur	Longitudinal distribution of wheel loads
Phân bố tuyến tính	Distribution lineairement	Linear distribution
Phân bố ngang tải trọng		Trausverse load distribution
Phân bố ứng suất	Distribution des efforts	Stress distribution
Phân tầng khi đổ bê tông		Segregation
Phân tích kết cấu		Structural analysis
Phân tích đàn hồi (đối với kết cấu)	Analys elastique	Elastic analysis
Phân tích thành phần hạt của vật liệu	Analyse granulometrique des materiaux	Material grading, Size grading

Phần bọc thép gia cố mũi cọc	Sabot de pieu	Pile shoe
Phần đường xe chạy	Chaussee	Roadway
Phòng thí nghiệm	Laboratoire	Laboratory
Phòng thiết kế	le bureau d' etudes	...
Phụ gia	Adjuvant	Admixture
Phụ gia chống thấm	...	Waterproofing admixture
Phụ gia chậm hóa cứng bê tông	Retartadeur	Retarder
Phụ gia hóa chất		Chemical admixture
Phụ gia puzolan	Adjuvant puzzolanique	Puzzolanic admixture, Puzzolanic material
Phụ gia tăng nhanh hóa cứng bê tông	Accelerateur	Accelerator, Earlystrength admixture
Phụ tùng	Accessoire	Accessories
Phun bê tông khô	Projection par voie seche	Dry guniting
Phun bê tông ướt	Projection par voie monillee	Wet guniting
Phun mạ kim loại để bảo vệ chống rỉ	Metallisation	Metalisation
Phun vữa lấp lòng ống chứa cốt thép dự ứng lực	Injection des coulis	Grouting
Phương án		Altenative,Option
Phương pháp dưỡng hộ bê tông	Procede de cure du beton	Method of concrete curing
Phương pháp kéo căng sau khi đổ bê tông	Procede de tension posterieure	Posttensioning (apres betonage)
Phương pháp kéo căng trước khi đổ bê tông	Procede de tention auterieure	Pretensioning (avant betonage)
Phương pháp kiểm tra bằng dòng xoáy	...	Eddie current testing
Phương pháp kiểm tra bằng phát quang	Methode de controle fluorescent	Fluorescent method
Phương pháp kiểm tra bằng thấm chất mầu	Methode de controle par impregnation de coloris	Dye penetrant examination
Phương pháp kiểm tra bằng tia phóng xạ	Methode de controle par radiation	Radiography method
Phương pháp kiểm tra bằng từ trường	Methode de controle par particules magnetique	Magnetic particle examination
Phương pháp lao từng đốt, phương pháp đúc đẩy	Procede de poussage	Incremental lauching method
Phương pháp lao đẩy dọc		Incremental push-launching method

Phương pháp lắp ghép	Procede de montage	Erection method
Phương pháp phân tích thống kê	Methode de analyse statistique	Statistical method of analysis
Phương pháp nối cọc		Splicing method
Phương pháp sửa chữa	Procede de reparation	Repair method
Phương pháp thi công hẫng	Procedé de construction en porte-a-faux, Procedé de construction par encorbellement	Canlilever cosntruction method
Phương pháp thử	Methode d'essai	Test methode
Phương pháp thử bằng siêu âm	Methode d'essai par ultrason	Utrasonic testing
Phương pháp thử có phá hủy mẫu	Methode d'essai destructif	Destructive testing method
Phương pháp thử không phá hủy mẫu	Methode d'essai non-destructif	Non-destructive testing method
Phương pháp thực nghiệm	Methode empirique	Empirical method
Phương pháp xây dựng	Procede de construction	Method of construction, Construction method

Q

Quá mức, (biến dạng quá mức)	Excessive,(deformation excessive)	Excessive (excessive deflection)
Quá tải	...	Over load
Quả búa	Mouton	Ram
Qui trình	Code (reglement)	Specification, Code
Qui trình tải trọng	Cahier des charges	Specification of loading
Quay	Rotation	Rotation
Quay tự do trên gối	Libre rotation sur appuis	On-bearing free rotation
Quyết định thành lập		Decision of establishing

R

Rãnh thoát nước ngầm	Egout	sewer
Rãnh thoát nước nổi		Open channel
Rỗ bề mặt	Porosite superficielle	Surface void

S

Sa thạch	Gres	...
Sai sót (không chính xác) trong thi công	Defauts de construction	Inaccuracy in construction
Sai số cho phép (dung sai) trong thi công	Tolerance de construction	Tolerance in construction
San nền,dọn mặt bằng	Decapage, decapager	... to scrape, to grade
Sản phẩm	Produit	Product
Sản xuất	Fabrication	Production
Sau khi neo xong cốt thép dự ứng lực	Apres realisation de l'ancrage	After anchoring
Sau khi nứt	Apres fissuration	After cracking
Sét	Argile	Clay
Siêu cao	Devers	Superelevation
Siêu tĩnh	Hyperstatique	Hypestatic
So le	Alterne	Altenate
Sỏi	Gravier	Gravel
Sỏi nhỏ, sỏi đập vụn	Gravillon	Fine gravel
Số bật nảy trên súng thử bê tông	Durete	Rebound number
Số liệu thử nghiệm	...	Test data
Sơ đồ bố trí chung		General layout
Sợi đơn lẻ (cốt thép sợi)	Fil	Single wine, Individual wire
Sơn	Painture	Paint
Sơn lót	Impression	Impression
Súng bật nảy để thử cường độ bê tông	Sclenrometre a beton	Concrete test hammer
Suy thoái (lão hóa)	Degradation (vieillissement)	Degradation
Sử dụng	Utilisation	Use, Usage
Sức chịu mômen danh định	Capacite portant de moment nominale	Nominal moment strength of a section
Sức chịu tải của cọc theo đất		Supporting capacity of soil for the pile
Sức chịu tải của cọc theo kết cấu		Structural capacity of pile
Sườn (bản bụng của mặt cắt I, T, hộp)	Ame	Web
Sườn cứng dọc (nằm ngang)	Horizontal raidisseur	Longitudinal stiffener
Sường cứng ngang (thẳng đứng)	Raidisseur laterale (verticale)	Transverse stiffener (vertical)
Sườn tăng cường đứng của dầm	Vertical raidisseur	Stringer

Sườn vòm		Areh rib

T

Tác dụng, tác động	Action	Action
Tác dụng bề mặt	...	Surface action
Tác động biến đổi	Action variable	Live load
Tác động của động đất	Action des seismes	Earthquake
Tác động của khí hậu	Action climatique	...
Tác dụng cục bộ	Action locale	Local action
Tác động của sóng		Wave action
Tác động tương hỗ hệ mặt cầu với dàn		Deck-Truss interaction
Tác động mài mòn	Action abrasif	Abrasive action
Tác động vòm, hiệu ứng vòm	...	Arch action
Tác dụng làm chậm lại	Effect retardateur	Delayed action
Tác động xung kích		Impact effect
Tái định cư		Resettlement
Tải trọng bánh xe (tải trọng trục)	...	Wheel load (Axle load)
Tải trọng biến đổi ít	Charge variable faible	...
Tải trọng cực hạn	Charge utime	Ultimate load
Tải trọng dải	...	Lane loading, Lane load
Tải trọng do đất đắp		Load due to earth fill
Tải trọng gió	Charge du vent	Wind load
Tải trọng gió tác dụng lên kết cấu	Force du vent soufflant sur la structure	Wind load on structure
Tải trọng gió tác dụng lên hoạt tải	Force du vent soufflant sur la charge mobile	Wind load on live load
Tải trọng khai thác	Charge d’ exploitation	Working load (service load)
Tải trọng lan can		Railing load
Tải trọng môi trường		Environmental load
Tải trọng nặng bất thường	Charge lourde non-frequent	Infrequent heavy load
Tải trọng ngoại hạng	Charge exceptionelle	... Exceptional load
Tải trọng người đi bộ		Pedestrian load
Tải trọng phân bố đều	Charge repartie uniforme	Uniformly distributed load
Tải trọng quân sự	Charge militaire	Military load
Tải trọng tác dụng ngắn hạn	Charge de courte duree	Short-term load
Tải trọng tác dụng dài hạn	Charge de longue duree	Long-term load
Tải trọng tập trung	Charge concentree	Concentrated load

Tải trọng thi công	Charge appliquee en cours d'execution	Construction load
Tải trọng thiết kế	Charge projete	Design load
Tải trọng thử	Charge d'epreuves	Test load
Tải trọng tĩnh (tải trọng thường xuyên)	Charge permanente	Dead load, Permanent load
Tải trọng trên vỉa hè	Charge sur trottoire	Pedestrien load
Tải trọng trục	Charge d'essieu	Axle loading, Axle load
Tải trọng từ bên ngoài (ngoại tải)	Charege externe	Eternally applied load, External load
Tải trọng tức thời	Charge instatanee	Instant load
Tải trọng tương đương	Charge equivalente	Equivalent load
Tải trọng xây lắp (trong lúc thi công)	Charge de montage, Charge d'assemblage	Erection load
Tải trọng xe ô tô vận tải	Charge de camion	Truck loading, Truck load
Tán đinh	River, rivetage	Reveted
Tâm nén	Centre de pression	...
Tập điều kiện đấu thầu	Cahier des charges	Tender documents
Tập trung ứng suất	Concentration de tention	Stress concentration
Tắc nghẽn hoạt động trên tuyến	Embouteillage	Operational bottlenecks on the line
Tắc ống nước, nút bịt ống	Etanchement	Water stop
Tăng cường	Reinforcer, Reinforcement	to strengthen, to reinforce
Tăng cường cầu	Reinforcement de pont	Strengthening of bridges
Tăng đơ	Tendeur	...
Thanh biên dàn		Chord
Thanh biên trên của dàn		Top chord
Thanh biên dưới của dàn		Lower chord
Thanh căng	Tirant	
Thanh chống chéo	Contre-fiche	...
Thanh cốt thép	...	Bar (reinforcing bar)
Thanh giằng	Chainage	Tie
Thanh giằng ngang	Entretoise	Braced member
Thanh đứng (của dàn)	Montant	Hanger
Thanh đứng treo của dàn		Hip vertical
Thanh đứng không lực của dàn tam giác		Inter mediat post
Thanh nằm ngang song song của rào chắn bảo vệ trên cầu (tay vịn lan can cầu)	Parapet	Parapet

Thanh giằng chéo ở mọc thượng của dàn		Top lateral
Thanh giằng chéo ở mọc hạ của dàn		Bottom lateral
Thanh giằng ngang ở mọc thượng của dàn		Top lateral strut
Thanh xiên của dàn		Main diagonal
Thành phần bê tông	Composition du beton	Concrete composition
Thành phần nằm ngang	Composant horizontale	...
Thạch cao		Plaster
Tháo kích ra	Relacher le verin	to remove the jack
Thay đổi	Change, Variation	Change
Thay đổi một cách tuyến tính	... varier linairement	... to vary linearly
Thay đổi nhiệt độ	Changement de temperature	Temperature change
Thay đổi trong phạm vi rộng		To vary over a wide range
Thay thế khẩn cấp	Remplacement immediat	Immediate replacement
Thấm, thâm nhập	Impregnation	Penetration
Thấm chất cloride	Impregnation de chloride	Chloride penetration
Thấm nước	Impregnation d'eau	Water penetration
Thẩm định trước ... theo cách mà ...		Prequali fication in such a mamner that
Theo trình tự ưu tiên	... par ordre de priorite	... in order of priority
Thép bản	Tôle	Plate
Thép bản có gân	Tôle nervuree	Ribbed plate
Thép các bon (thép than)	Acier au carbone	Carbon steel
Thép cán	Acier lamine	Laminated steel
Thép chịu thời tiết (không cần sơn)	...	Weathering steel (need not be painted)
Thép chống rỉ do khí quyển	...	Atmospheric corrosion resistant steel
Thép có độ tự chùng thông thường	Acier a relaxation normale	Normal relaxation steel
Thép có độ tự chùng rất thấp	Acier a tres base relaxation	Low relaxation steel
Thép có tính chất đặc biệt	Acier a proprietes particulieres	Steel with particular properties
Thép công cụ	Acier rapite	...
Thép cường độ cao	Acier de resistance superieure, Acier à haute resistance	High strength steel
Thép dự ứng suất	Acier de precontrainte	Prestressing steel
Thép đã ram	Acier recuit	...

Thép đã tôi	Acier trempe	Chillid steel
Thép đúc	Acier moule	Cast steel
Thép hình	Profile	Shape steel
Thép hợp kim	Acier allie	Alloy(ed) steel
Thép hợp kim thấp	Acier faiblement allie	Low alloy steel
Thép kết cấu	Acier de structure	Structural steel
Thép non (thép than thấp)	Acier doux	Mild steel ...
Thép tăng cường	Acier de renfort	Strenghening steel
Thi công mà không làm ngừng thông xe qua cầu	Execution sans interruption du trafic sur le pont	to carry out without interrupting trafic flow on the bridge
Thi công thực hiện	Executer mettre en place (efcetuer)	Execution
Thí nghiệm	Essai	Test
Thí nghiệm kiểm tra tại chỗ	Essai de controle en place	... Test in place, In-situ test
Thí nghiệm nén vỡ	Essai d'ecrasement	...
Thí nghiệm nén vỡ chẻ đôi (theo đường kính)	Essai d'ecrasement par fendage	...
Thích ứng với, thích nghi với ...	Adaptation, Adapter	to adapte, adaptation
Thiết bị an toàn	Dispositif de surete	Safety device
Thiết bị cân		Weighing equipement
Thiết bị để kéo căng	Equipement de mise en tension	Stressing equipment
Thiết bị để neo giữ	Dispositif a tenons	Anchoring device
Thiết bị di động đổ bê tông	Equipage mobile equipement	Movable casting
Thiết bị để bơm vữa	Equipement d'injection	Grouting equipment
Thiết bị đo	Instalation de mesure	...
Thiết bị lao lắp cầu	Equipement de lancement	Handling equipment
Thiết bị phân phối bê tông	Equipement de repatition de beton	Equipment for the distribution of concrete
Thiết bị thi công	Equipement de construction	Construction equipment
Thiết bị xây lắp	Equipement d'assemblage	Erection equipment
Thiết kế	Etude du projet, Conception, Dimensionement	Design, Conception
Thiết kế cấu kiện		Member design
Thiết kế sơ bộ	Justification, Avant-projet	Preliminary design
Thiết kế theo hệ số tải trọng	Calcul par methode des facteures de charge	Load factor design
Thiết kế theo ứng suất cho phép	Calcul par methode du taux admissible	Allowable stress design
Thiết kế tính toán theo hướng ngang		Tranverse design

Thiết lập, lắp đặt, trang bị	Installtion	Installation
Thít trượt của gối		Sliding plate
Tích phân Mo	Integrale de Mohr	Integral of Mohr
Tiêm vết nứt	Injection des fissures	Injection
Tiến hành, thực hiện	...	to carry out
Tiến hành thi công	Mise en oeuvre	Execution
Tiêu chuẩn	Standart, Norme, Regle	Code, Standart, Specification
Thông báo đấu thầu	Avis d'appel d'offres	Publish an anouncement of preminiary selection
Thỏa thuận (chuẩn y)	Agrement	Approval
Thoát nước	Drainage	Drainage
Thoát nước dọc	Drainage longitudinale	Longitudinal drainage
Thoát nước ngang đường ô tô	Drainage tranversale de la chaussee	Transverse drainage of the roadway
Thớ biên chịu nén	Fibre comprime extrem	Extreme compressive fiber
Thớ dưới	Fibre inferieure	Bottom fiber
Thớ trên	Fibre superieure	Top fiber
Thớt dưới (cố định) của gối		Base plate
Thời điểm đặt tải	Moment du chargement	Loading time
Thời điểm kéo căng cốt thép	Moment des operation de tension moment de la mise en du cable	Prestressing time
Thời điểm truyền ứng suất	Moment de transmission d'effort	Transfer of stress moment
Thời gian biểu của việc đổ bê tông	Plan d'execution du betonage	Casting schedule
Thời gian biểu của việc lắp dựng	Plan d'execution de montage	Erection schedule
Thời hạn thi công thực tế	Delai de construction reel, Temps de construction	Actual construction time effectif
Thủ tục thẩm định trước		Prequali fication procedure
Thuyết minh	Notice descriptive	...
Thử nghiệm cọc	Essai de pieu	Pile test
Thử nghiệm đến lúc phá hoại	Essai destructif	Testing to failure
Thử nghiệm đông học	Essai dynamique	Dynamic test
Thử nghiệm không phá hoại	Essai non-destructif	Nondestructive testing
Thử nghiệm kết cấu	Essai de structure	Structural testing
Thử nghiệm nhanh	Essai accelere	Accelerated test
Thử nghiệm tại hiện trường	Essai en site	Field test
Thử nghiệm trên mô hình	...	Model testing
Thử trong phòng thí nghiệm	Essai de laboratoire	Laboratory testing

Thử nghiệm về va đập	Essai de choc	Impact testing
Thử nghiệm về mỏi	Essai de fatigue	Fatigue testing
Thử tải (thử nghiệm chịu tải)	Essai de charge	Load test
Thử tải ở hiện trường		Load test at the site
Thực nghiệm	Experimentation	Experiment
Thượng lưu (ở thượng lưu của)	Amont	Upstream side
Tim đường		Centre line
Tìm bằng cách xấp xỉ gần đúng	Trouver par approximations successives	... to fin by successive approximations
Tính ăn mòn	Agressivete	Agressivity
Tính chất cơ học	Caracteristique mecanique	Mecanical characteristic
Tính liền khối	Monolithisme	Monolithism
Tính toán	Justifier, Calculer	to calculate, to compute Calculation, Computing
Tính toán bằng tay	Calcul a la main	Hand calculation
Tính toán biến dạng	Calculation de la deformation	Deformation calculation
Tính toán do võng	Calculation de la deflection	Deflection calculation
Tính toán theo hệ số tải trọng	Calcul suivant les facteurs de charge	Load factor design
Tính toán theo tải trọng khai thác	Calcul suivant la charge de service	Service load design
Tính toán theo ứng suất cho phép	Calcul suivant la contrainte admissive	Allowable stress design
Tính toán theo trạng thái giới hạn	Calcul suivant les etats limites	Limit state design
Tính toán thủy lực	Analyse hydraulique	Hydraulic analysic
Tính toán thủy văn	Analyse hydrologique	Hydrologic analysic
Tình trạng bảo dưỡng duy tu kém	Etat mauvais d'entretien	Poor state of maintenance
Tĩnh tải bổ xung sau	...	Additional dead load
Tịnh không (khoảng trống)	Gabarit	Clearance
Tịnh không thông thuyền	Gabarit de navigation	Navigational clearance
Tịnh không thoát nước	Ouverture	Hydraulic clearance
Tọa độ	Coordonnee	Coordinate
Toán đồ	Abaque	Abac
Tổ hợp tải trọng	Combinaison d'actions	Load combination
Tổ hợp cơ bản (chính)	Combination fondamentale	Basic combinaison
Tổ hợp tai nạn (đặc biệt)	Combination accidentalle	Accidental combination
Tổ hợp hiếm	Combination rare	Unusual combinaison

Tổ hợp thường xuyên	Combination permanente (frequente)	Permanent combinaison
Tổ hợp hầu như thường xuyên	Combination quasi-permanente	Quasi-permanent combinaison
Tốc độ thi công	Vitesse de prise	...
Tốc độ thiết kế	Vitesse projete	Design speed
Tối ưu hóa	Optimisation	Optimisation
Tổng các góc uốn của đường trục cốt thép dự ứng lực từ đầu kích đến điểm x	Deviation moulaire totale du cable sur la distance X du point de tension	Total angular change of tendon profile from jaching end to point x
Tổng các góc uốn nghiêng của cốt thép dự ứng lực ở khoảng cách x kể từ mấu neo	Deviation angulaire totale du cable sur la distance X	Total angular change of tendon profile from anchor to point X
Tổng dự toán	Estimatif generale	General estimation
Tổng hợp vật tư		Bill of materials
Tổng tải trọng lên mọi trục xe	...	Total load on all axies
Tời kéo	Treuil	...
Trạm thu phí giao thông		Toll Plaza
Trang trí nội thất		Internal decoration
Trạng thái chưa nứt	Etat non fissure	Uncracked state
Trạng thái đã có vết nứt	Etat fissure	Cracked state
Trạng thái	Etat, Situation	State
Trạng thái giới hạn	Etat-limite	Limit state
Trạng thái giới hạn cực hạn	Etat-limite d'ultime	Ultimate limit state
Trạng thái giới hạn cực hạn về ổn định hình dáng	Etat limite ultime de stabilite de forme	...
Trạng thái giới hạn khai thác	Etat-limite de service	Service ability limit state
Trạng thái giới hạn mất nén	Etat limite de decompression	Decompression limit state
Trạng thái giới hạn hình thành vết nứt	Etat limite de formation des fissures	Cracking limit state
Trạng thái giới hạn về biến dạng	Etat limite de deformation	...
Trạng thái giới hạn về mở rộng vết nứt	Etat-limite d'ouverture des fissures	Cracking limit state
Trạng thái giới hạn khai thác về độ mở rộng vết nứt	Etat-limite de service vis-a-vis d'ouverture des fissures	Serviceability limit state of cracking
Trắc dọc	Profil en long	...
Trầm tích		Sedimentary

Trị số danh định	Valeur nominale	Nominal value
Trị số gần đúng	Valeur approximative	Approximate value
Trị số khoán	Valeur forfaitaire	...
Trị số qui ước	Valeur conventionelle	Conventional value
Trị số trung gian	Valeur intermediaire	Intermediate value
Trong quá trình kéo căng cốt thép	...	During stressing operation
Trọng lượng đoạn (đốt kết cấu)	Poids du segment	Segment weight
Trọng lượng bản thân	Poids propre	Self weight, own weight
Trọng lượng riêng bê tông	Poids volumique	Concrete unit weight, density of concrete
Trọng tâm	Centre de gravite	Center of gravity
Trọng lượng tính cho một đơn vị diện tích	Poids surfacique	Surface weight
Trộn, pha trộn	Melange	... to mix, Mixing
Trụ cầu	Pile (appui intemediaire)	Pier, Intermediate support
Trụ palê	Palee	Framed bents
Trụ palê cố định	Palee fixe	Fixed framed bents
Trụ palê trên phao nổi	Palee sur parge	Framed bent on ponton
Trục dọc của cầu, Tim dọc cầu	Axe longitudinale du pont	Longitudinal center line of the bridge
Trục trung tâm	Axe passant par le centre	Centroid lies
Trung bình	Moyenne	Average
Trực giao, vuông góc với nhau	Orthogonal	Ortthogonal
Trước khi neo cốt thép dự ứng lực	Avant realisation de l'ancrage	Before anchoring
Trường hợp đặt tải		Loading case
Trường hợp thông thường	Cas courant	...
Trượt	...	Glissement, sliding
Tuổi của bê tông lúc tạo dự ứng lực	Age du beton lors de la mise en precontrainte	Concrete age at prestressing time
Tuổi đặt tải	Age de la mise en charge	Age of loading
Tuổi thọ, độ bền lâu	Duriabilite	Durability
Tụt lùi của nút neo	Rentree des clavettes	Anchor slipping
Tụt trượt đầu cốt thép dự ứng lực trong mấu neo	Recul a l'ancrage	...
Tùy theo yêu cầu của công trình	Selon les exigences de l'ouvrage	...
Từ biến	Fluage	Creep

Tự chùng	Relaxation	Relaxation
Tương thích biến dạng	Compatibilyte de deformation	Compatability of strains
... tương tự đối với	... de meme pour ...	...
Giữa thép và bê tông	... entre l'acier et beton	... between steel and concrete
Tường cánh (vuông góc)	Mur en retour	Side wall
Tường cánh (xiên góc)	Mur en aile	Wing wall
Tường chắn	Mur de soutenement	Retaining wall
Tường chắn có các tường chống phía sau	Mur de soutenement a contreforts	Counterfort wall
Tường chắn có các tường chống phía trước	Mur de soutenement a butee	Buttressed wall
Tường trước của tường chắn đất	Pieds droit (du mur de soutenement)	Stem
Tường chắn đất	Ouvrage de soutenement	Retaining wall
Tường chắn kiểu trọng lực	Mur de soutenement massif	Gravity wall
Tuyến chính		Main line
Tuyến nhánh		Branch line
Tỷ lệ (trong bản vẽ)	Echelle	Scale
Tỷ lệ chiều dài nhịp trên chiều cao dầm	...	Span/depth ratio
Tỷ lệ giữa tĩnh tải và hoạt tải	...	Dead to live load ratio
Tỷ lệ hàm lượng cốt thép thường trong mặt cắt	...	Ratio of non- prestressing tension reinforcement
Tỷ lệ hàm lượng cốt thép dự ứng lực	...	Ratio of prestressing steel
Tỷ lệ nước/ximăng	Rappot eau sur ciment	Water/cement ratio
Tỷ lệ pha trộn hỗn hợp bê tông	Propotion de mixage	Mix proportion
Tỷ số của các mô dun đàn hồi thép-bê tông	...	Modular ratio
Tỷ số đường tên/nhịp của vòm		The rise – span ratio
Tỷ trọng của vật liệu	...	Density of material

U

ụ chuyển hướng	Deviateur	Deviator
ụ neo ngoài đặt thêm	Bossage d'ancrage	...
Uốn thuần túy	Flexion simple	Pure flexione

Ư

ứng lực	Sollicitation	Stress
ứng lực tính toán	Sollicitation de calcul	Design stress
ứng suất	Contrainte	Stress, unit stress
ứng suất ban đầu	Contrainte initiale, tension a l'origile	Initial stress
ứng suất bê tông ở thớ đặt cáp dự ứng lực	Contrainte du beton au niveau du cable	Concrete stress at tendon level
ứng suất cắt cho phép	Contrainte de cisaillement admissible	Permissible shear stress
ứng suất cắt trượt	Contrainte de cisaillement	Shear stress
ứng suất cho phép	Contrainte admissible	Allowable stress, Permissible stress
ứng suất co ngót	...	Shrinkage stress
ứng suất có hiệu	Contrainte effective	Effective stress
ứng suất cốt thép dự ứng lực ở sát neo sau khi tháo kích	Contrainte aupes du block d'ancrage apres removal du verin	Stress at anchorages after seating
ứng suất dính bám	Contrainte d'adherence	Bond stress
ứng suất do nhiệt	Contrainte thermique	Thermal stress
ứng suất do tổ hợp tĩnh tải, hoạt tải có xét xung kích	Contrainte combinee due aux charges permanente, mobile et dynamique	Combined dead, live and impact stress
ứng suất đàn hồi của cốt thép dự ứng lực	Contrainte d'elesticite de la precontrainte	Yeild point stress of prestressing steel
ứng suất gây nứt	Contrainte de fissuration	Cracking stress
ứng suất kéo	Contrainte de traction	Tensile stress
ứng suất kéo chủ	Contrainte principle de tensile stress	Diagonal tension traction stress, Principal strees
ứng suất khai thác	Contraint de travail	Working stress
ứng suất nén	Contrainte de compression	Compressive stress
ứng suất phá hủy bảo đảm	Contrainte de rupture garantie	...
ứng suất pháp	Contrainte normale	Normal stress
ứng suất thép ở đầu kích kéo căng	Tension initiale au verin	Steel stress at jacking end
ứng suất thiết kế	Tension prevue dans le projet, Contrainte projete	Design stress
ứng suất tính toán	Contrainte de calcul	Calculation stress
ứng suất tĩnh tải	Contrainte due a charge permanent	Stress due to dead loads
ứng suất trung bình	Contrainte moyenne	Average stress

ứng suất tựa (ép mặt) dưới bản mấu neo	Contrainte de pression sous la plaque d'ancrage	Bearing stress under anchor plates
ứng suất tức thời	Contrainte instatanee	Temporary stress
ứng suất uốn	Contrainte de flexion	Bending stress
ứng suất vỡ tung của bê tông	Contrainte d'eclatement	Bursting concrete stress
ứng suất yêu cầu (của cáp dự ứng lực)	Tension require (du cable)	Required tension of the tendon
ứng suất do cẩu lắp		Handling stresses
Ước lượng bằng lý thuyết	Estimation theorique	Theoretical estimation
Ước lượng khoán của các mất mát	Estimation forfaitaire des pertes	...

V

Va chạm, va đập	Choc	Impact
Vách ngăn	Cloison	Diaphragm
Vai (phần vát ở đỉnh kết cấu)	Epaulement	...
Ván khuôn	Coffrage	Form
Ván khuôn di động	Charior de coulage Equipage mobile de betonnage	Movable form, Travling form
Ván khuôn đáy	Fond de moule	...
Ván khuôn trượt	Coffrage glissant	Sliding form
Vật liệu co dãn được (kim loại)	Materiau ductile	Ductile material
Vật liệu của móng	Materiau de fondation	Foundation material
Vật liệu có tính hút ẩm		Moisture-absorptie material
Vật liệu cường độ cao	Materiau a haut resistance	High-strength material
Vật liệu bao phủ	Materiau de recouvrement	Covering material
Vật liệu dòn	Materiau fragile	Fragil material
Vật liệu đồng chất	Materiele homogene	Homogenous material
Vật liệu phủ để bảo vệ cốt thép DưL khỏi rỉ hoặc giảm ma sát khi căng cốt thép	...	Coating
Vật liệu xây dựng	Materiau de construction	Construction material
Vốy kim loại	Paillon	...
Vết nứt do cắt	Fissure par cisaillement	Shearing crack
Vết nứt do uốn	Fissure par flexion	Bending crack
Vết nứt đang phát triển	Fissure evolutive	Crack in developement
Vết nứt hoạt động	Fissure active	Active crack

Vết nứt nhỏ li ti	Microfissure	Microcrack
Vết nứt ổn định	Fissure stable	Stable crack
Vết nứt thụ động	Fissure passive	Passive crack
Vết nứt xuyên	Fissure tranversante	Through crack
Vẽ kỹ thuật		Drafting
Ví dụ tính toán	Exemple de calcul	Calculation example
Vị trí cầu	Location du pont	Bridge location, Bridge position
Vứa hè trên cầu	Trottoir	Sidewalk, footway
Việc mạ kẽm	Galvanisation	Galvanizing
Viên đá hợp long cầu vòm đá		Key stone
Vỏ bọc polyetylen mật độ cao của cáp dự ứng lực	Gaine en polyethylene a haute densite (PEHD)	HDPE sheath
Vỏ thép	Envelope en acier	Metal shell
Vòi nước	Robinet	...
Vòi phun vữa	Lance	...
Vòm	Arc, Voute	Arch
Vòm nửa tròn		Semi-circular arch
Vòm nhiều đốt		Segmental arch
Vòm nửa elip		Semi-eliptical arch
Vòm parabol		Parapolic arch
Vòm nhiều tâm		Multicentred arch
Vòm gạch đá xây		Masoury arch
Vòng đệm, rông den	Rondelle	Washer ...
Vòng đệm vênh, rông đen vênh	Rondelle grower	Grower washer
... với điều kiện rằng	... a condition que ...	... under condition of
Vôi	Chaux	...
Vốn cố định		Fixed capital
Vốn lưu định		Movable capital
Vốn pháp định		Legar capital
Vỡ tung ở vùng đặt neo	Eclatement	Bursting in the region of end anchorage
Vùng bê tông chịu nén	Zone du beton comprime	Compremed concrete zone
Vùng đặt mấu neo, vùng neo	Zone d’ancrage	Anchorage zone
Vùng đầu cấu kiện	Zone du bout de l’element	End region of the member
Vút (của dầm)	Renformis	...
Vữa để phun , để tiêm	Coulis d’injection	Grout
Vữa để trát	Morlier	Mortar
Vữa không co ngót	Couis sans retrait	Non-shrinkage mortar

Vữa ximăng cát để tiêm (phụt)	Coulis de ciment-sable	Cement-sand grout pour injection

X

Xa lộ	Autoroute	Highway
Xà mũ (của trụ, mố)	Chevetre	Croa head
Xác định sơ bộ kích thước	Dimensionnement, dimensionner	Dimentioning
Xác suất	Probabilite	Prohabity
Xâm thực	Agressivite ,Agressif	Agressivity, Agressive
Xâm thực của môi trường	Agressivite du milieu	Environment agressivity
Xe tải	Camion	Truck
Xe tải kéo rơ-mooc	Camion a semiremoorge	Tractor truck
Xếp hoạt tải	Chargement des surcharge load	Application of live
Xếp tải	Chargement	Loading
Xi măng	Ciment	Cement
Xi măng nở	Ciment expansif	Expanding cement
Xi măng Pooc-lan	Ciment Portland	Portland cement
Xí nghiệp	Entreprise	Enterprise
Xoắn	Torsion	Torsion
Xói chung	Affouillement general	General scour
Xói cục bộ	Affouillement local	Local scour
Xói lở	Affouillement	Scour
Xói nước để hạ cọc	Lancage	Launching
Xuyên qua	Penetration	Penetration
Xử lý bề mặt bê tông	Traitement superficiel du beton	Concrete surface treatement
Xử lý nhiệt cho bê tông	Traitement thernique du beton	Concrete thermal treatement
Xí nghiệp duy tu	Entreprise de l’entretien	Maintenance enterprise
Xử lý số liệu	Traitement des donnees	Interpretation of the data
Xưởng đúc sẵn kết cấu bê tông		Precasting Yard